



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019



Số điện thoại: (0256) 822.077 - Fax: (0256) 817.371



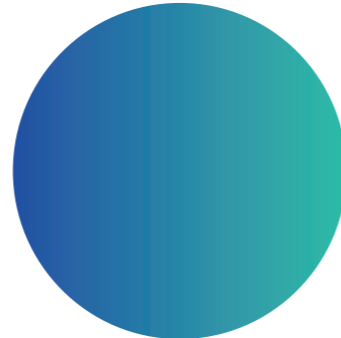
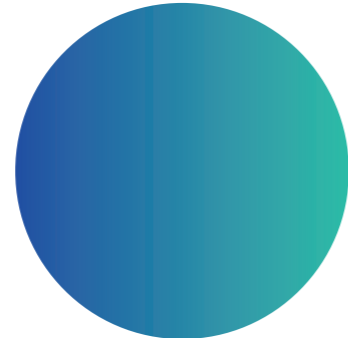
Số 02 Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam



[www.duongsatnghiabinh.vn](http://www.duongsatnghiabinh.vn)

**Công ty Cổ phần  
Đường sắt Nghĩa Bình**





## Phần I: Thông tin chung



- Thông tin khái quát về Công ty
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

# Thông tin khái quát



Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình
Giấy chứng nhận ĐKDN số	: 4100259405 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 01/01/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 25/10/2017
Vốn điều lệ	: 18.060.000.000 đồng
Địa chỉ	: Số 02 Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam
Số điện thoại	: (0256) 822 077
Số fax	: (0256) 817 371
Website	: <a href="http://www.duongsatnghiabinh.vn">www.duongsatnghiabinh.vn</a>
Mã cổ phiếu	: NBR



## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Qua gần 45 năm xây dựng và phát triển, Công ty đã trải qua nhiều lần thay đổi về mặt tổ chức, quản lý cũng như tên gọi. Tuy ở những thời điểm, hoàn cảnh khác nhau có những khó khăn, thách thức riêng, song Đảng bộ, Ban Giám đốc, các tổ chức đoàn thể cùng toàn bộ công nhân – viên chức, lãnh đạo trong Công ty đã thể hiện lập trường kiên định, vững tin vào đường lối, chủ trương của Đảng, bám sát nhiệm vụ chính trị, tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của ngành đường sắt Việt Nam.

Với sự giúp đỡ của chính quyền địa phương hai tỉnh Bình Định - Quảng Ngãi và nhân dân dọc hai bên tuyến đường sắt đã xây dựng và phát triển Công ty ngày càng vững mạnh. Bên cạnh đó, Công ty đã hòa nhập vào công cuộc đổi mới của đất nước, của ngành, đóng góp xuất sắc vào thành quả ngành Đường sắt cả nước trong giai đoạn khôi phục, tái thiết tuyến đường sắt Thống nhất và đặc biệt là trong giai đoạn đổi mới đưa ngành Đường sắt Việt Nam bước vào thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

# Quá trình hình thành và phát triển



Ngày 01/10/1976 theo quyết định số 1808/TC-NS của Tổng cục Đường sắt Việt Nam Công ty trở thành Khu đường sắt Nghĩa Bình.



Ngày 30/12/1983, tên gọi Đoạn cầu đường Nghĩa Bình đổi thành Xí nghiệp Quản lý đường sắt Nghĩa Bình theo Quyết định số 908/TC của Tổng cục Đường Sắt Việt Nam.



Ngày 17/04/1998, Xí nghiệp Quản lý đường sắt Nghĩa Bình trở thành Xí nghiệp Công ích theo Quyết định số 876/TCCB của Bộ Giao thông vận tải.



Ngày 29/06/2010, Công ty Quản lý đường sắt Nghĩa Bình trở thành Công Ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình theo Quyết định số 713/QĐ-ĐS của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

Ngày 07/04/2016, Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình được UBCKNN chấp thuận là Công ty đại chúng theo công văn số 1690/UBCKGSĐC ngày 07/4/2016 của UBCKNN về việc đăng ký Công ty đại chúng.  
Ngày 19/08/2016, giao dịch đầu tiên cổ phiếu đăng ký giao dịch với tên gọi CTCP Đường sắt Nghĩa Bình trên thị trường UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.



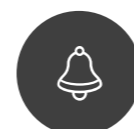
NBR Trực thuộc Trung tâm đường sắt Quy Nhơn thuộc đoạn đường sắt II Bình Định, Bình Thuận.



Ngày 02/02/1979 theo quyết định số 106/TC-NS của Tổng cục Đường sắt Việt Nam thì Khu đường sắt Nghĩa Bình trở thành Đoạn cầu đường Nghĩa Bình.



Ngày 30/05/1996, Xí nghiệp Quản lý đường sắt Nghĩa Bình là Đơn vị sự nghiệp kinh tế theo Quyết định 1208/TC của Bộ Giao thông vận tải.



Ngày 20/3/2003, Xí nghiệp Quản lý đường sắt Nghĩa Bình đổi tên thành Công ty Quản lý đường sắt Nghĩa Bình theo Quyết định số 734/2003/QĐGTVT của Bộ Giao thông Vận tải.

Ngày 30/10/2015, Căn cứ Quyết định số 3895/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Nghĩa Bình thành Công ty cổ phần.  
Ngày 11/12/2015, tổ chức phiên đấu giá bán cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) của Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình, tổ chức giá đấu thành công với giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

# Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

## Ngành nghề kinh doanh chính:

- Quản lý, bảo trì, xây dựng công trình giao thông đường sắt, đường bộ, thủy lợi và nhà các loại. Ngoài ra, Công ty còn tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt.

## Ngành nghề kinh doanh khác bổ trợ cho ngành đường sắt:

- Sản xuất và khai thác đá, cát sỏi, cấu kiện bê tông, thép chuyên ngành, dụng cụ lao động, bảo hộ;
- Thí nghiệm, kiểm nghiệm, tư vấn.
- Các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật:
- Kinh doanh vận tải đường bộ; đại lý vé máy bay, ô tô, tàu hỏa;
- Đầu tư và kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch;
- Hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa thể thao.

## Địa bàn kinh doanh:

- Công ty hoạt động chủ yếu ở 2 tỉnh Bình Định và Quảng Ngãi.



# Mô hình quản trị và bộ máy quản lý

Công ty phát triển theo mô hình Công ty Cổ phần bao gồm:

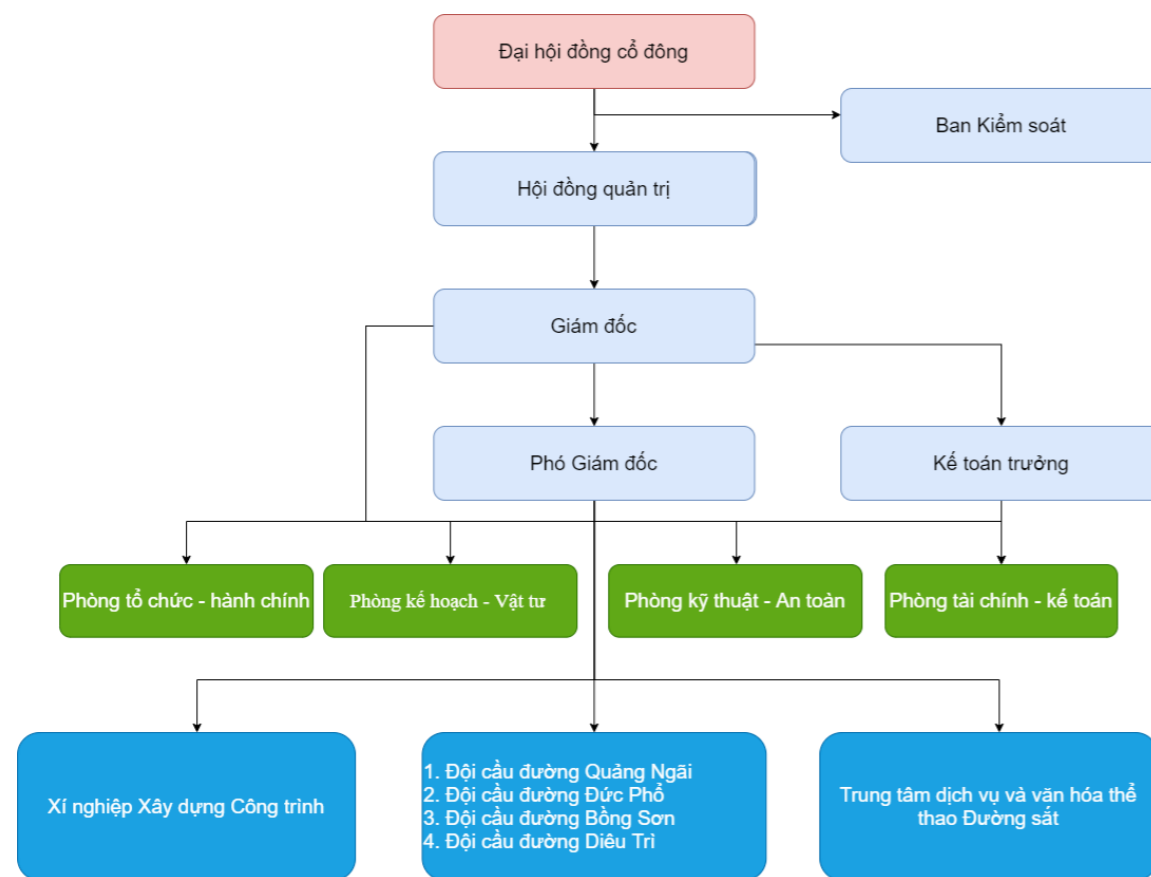
**Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):** Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

**Hội đồng quản trị (HĐQT):** Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT Công ty có trách nhiệm giám sát hoạt động của Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong Công ty.

**Giám đốc (GD):** Giám đốc là người phụ trách lãnh đạo và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**Ban kiểm soát (BKS):** Thực hiện chức năng giám sát, đánh giá các hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty để báo cáo cho ĐHĐCĐ.

**Các phòng ban liên quan:** Hỗ trợ công việc cho Giám đốc điều hành hoạt động kinh doanh.



## CÔNG TY MẸ

Tên Công ty: Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam  
 Địa chỉ: 118 Đường Lê Duẩn, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội  
 Điện thoại: (024) 39.425.972  
 Fax: (024) 39.422.866  
 Vốn điều lệ: 2.268.000.000.000 đồng



**Ngành nghề kinh doanh chính:**

- Kinh doanh vận tải đường sắt, vận tải đa phương thức trong nước và liên vận quốc tế;
- Quản lý, khai thác, bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia;
- Kinh doanh hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Điều hành giao thông vận tải đường sắt quốc gia; đại lý và dịch vụ vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, đường hàng không;
- Tư vấn, khảo sát, thiết kế, chế tạo, đóng mới và sửa chữa các phương tiện, thiết bị, phụ tùng chuyên ngành đường sắt và các sản phẩm cơ khí.

**Ngành nghề có liên quan đến ngành nghề kinh doanh chính:**

- Tư vấn, khảo sát thiết kế, xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp và dân dụng;
- Dịch vụ viễn thông và tin học;
- Kinh doanh xăng, dầu, mỡ bôi trơn của ngành đường sắt;
- Kinh doanh kho bãi và dịch vụ hỗ trợ cho vận tải.

Tỷ lệ góp vốn tại Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình: 9.210.600.000 đồng (tính theo mệnh giá) tương ứng 51% vốn điều lệ.



## Định hướng phát triển

Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (KCHTĐS) quốc gia do Nhà nước đầu tư bao gồm cả đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt. Hiện nay, tài sản KCHTĐS quốc gia đang giao cho doanh nghiệp kinh doanh KCHTĐS là Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam trực tiếp quản lý sử dụng, khai thác. Vì thế, những định hướng của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình cũng thực hiện theo những định hướng trung và dài hạn của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.



### Chiến lược phát triển ngắn hạn Công ty mẹ

#### Trong năm 2020:

- Cải tạo, nâng cấp mạng lưới đường sắt hiện có đạt tiêu chuẩn đường sắt quốc gia cấp I, hoàn thành kết nối đường sắt với các cảng biển quốc tế, nhà máy khu kinh tế, các khu mỏ và các trung tâm du lịch lớn,...;
- Phấn đấu hoàn thành xây dựng mới tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng;
- Ưu tiên xây dựng trước một số đoạn trọng điểm tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam.

### Chiến lược phát triển trung và dài hạn Công ty mẹ

#### Đến năm 2030:

- Cơ bản hoàn thành mạng đường sắt cao tốc Bắc - Nam;
- Triển khai xây dựng mạng lưới đường sắt Tây Nguyên, đường sắt nơi các tỉnh ven biển, đồng bằng Bắc Bộ và đường sắt đến các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

### Chiến lược phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty

- Thường xuyên nắm bắt chủ trương của Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải và Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam về việc ưu tiên tái cơ cấu, phát triển đường sắt.
- Luôn bám sát và thực hiện đúng, đầy đủ các kế hoạch của HĐQT, của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam;
- Đảm bảo hoàn thành bảo dưỡng, bảo hành tốt đường sắt tại khu vực Bình Định và Quảng Ngãi;
- Luôn đưa ra những giải pháp kịp thời, nhanh chóng, xử lý tai nạn xảy ra trên các đoạn đường sắt mà Công ty quản lý;
- Đột phá tạo sự khác biệt trong chất lượng thi công với thời gian ngắn nhất;
- Tập trung khắc phục sửa chữa những thiết bị hiện có, rà soát lại các thiết bị không sử dụng, tiến hành thanh lý thu hồi vốn; đầu tư công nghệ tiên tiến, tiết kiệm nhiên liệu bảo vệ môi trường, đảm bảo thi công các công trình được giao.

### Chiến lược phát triển bền vững của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình:

- Công ty luôn đảm bảo lợi ích tối đa cho cổ đông, người lao động và khách hàng của Công ty;
- Công ty xây dựng chính sách đãi ngộ hấp dẫn nhằm thu hút những cán bộ, quản lý có trình độ chuyên môn cao; công nhân kỹ thuật lành nghề;
- Đưa ra các chế độ khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, trong kinh doanh mang lại hiệu quả kinh tế cao cho Công ty;
- Công ty luôn chú trọng tham gia các công tác xã hội, hoạt động từ thiện,... nhằm chia sẻ, giúp đỡ địa phương, đồng bào khó khăn; đóng góp một phần công sức để phát triển cộng đồng, xã hội.

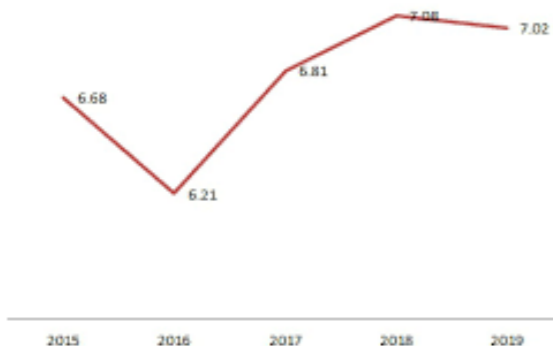


# Các rủi ro

## Rủi ro kinh tế

Nền kinh tế thế giới trong năm 2019 tiếp tục đối mặt với nhiều rủi ro, không chỉ từ cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung mà còn từ việc Anh rời khỏi Liên minh châu Âu (EU), được gọi là Brexit, và những căng thẳng địa chính trị. Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam có một năm 2019 thành công khi cả 12/12 chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đều đạt và vượt mục tiêu Quốc hội đề ra. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, năm 2019 tốc độ tăng trưởng kinh tế trong nước (GDP) tăng 7,02% so với năm 2018, đây là năm thứ hai liên tiếp Việt Nam đạt được mức tăng trưởng trên 7%. Ngoài ra, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2019 chỉ tăng 2,79%, thấp nhất trong 3 năm qua. Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình đang hoạt động và kinh doanh trong nền kinh tế chung, nên mọi thay đổi, biến động từ kinh tế thế giới hay kinh tế trong nước đều ảnh hưởng đến Công ty. Do đó, NBR luôn thường xuyên cập nhật tình hình kinh tế lẫn chính trị để kịp thời đưa ra các định hướng, chiến lược cho phù hợp.

Tăng trưởng GDP (%)



## Rủi ro đặc thù

Dịch vụ vận tải đường sắt của nước ta đã trải qua hơn 100 năm hình thành và phát triển, đây vừa là ưu điểm cũng vừa là khuyết điểm của ngành đường sắt vì các vấn đề về KCHTĐT đã quá lạc hậu như: Bình điện hạn chế, độ dốc dọc lớn, cầu yếu, hầm yếu,... là những nguyên nhân ảnh hưởng trực tiếp đến việc nâng cao tải trọng, tốc độ chạy của tàu, năng lực thông qua và năng lực chuyên chở trên các tuyến. Hệ thống thông tin tín hiệu trên các tuyến không đồng bộ về công nghệ, kỹ thuật, mỗi tuyến, khu đoạn lại sử dụng một công nghệ khác nhau,... Hệ thống đường sắt nước ta hiện được vận hành với gần 300 đầu máy đang hoạt động, song phần lớn đều là những đầu máy cũ có tuổi đời từ 30 năm trở lên. Công suất và tốc độ của đầu máy thấp, tiêu hao nhiều nhiên liệu. Toa tàu khách và tàu hàng của đường sắt cũng được khai thác nhiều năm với nhiều chủng loại, gây khó khăn, trở ngại trong vận hành, bảo trì, sửa chữa. Để hạn chế, giảm thiểu rủi ro trên, Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam cũng như NBR đã thực hiện một số biện pháp như: thường xuyên kiểm tra trạng thái cầu, đường, hầm, để kịp thời cải tạo, khôi phục các công trình xung yếu và lập kế hoạch đầu tư nâng cấp; giám sát chặt chẽ và chỉ đạo công tác tổ chức thi công nhằm đảm bảo an toàn, chất lượng và tiến độ thực hiện,...

Đặc thù của hoạt động quản lý, bảo trì đường sắt Quốc gia là một trong những lĩnh vực đòi hỏi độ chính xác cao, có tính chất lưu động, độc hại, nguy hiểm, điều kiện lao động ngoài trời, vừa thi công vừa chạy tàu. Do đó sản phẩm phải làm đi làm lại nhiều lần, ảnh hưởng đến năng suất lao động, đồng thời có nhiều nguy cơ xảy ra tai nạn lao động và sự cố. Ngoài ra, tình trạng người và phương tiện không chấp hành luật lệ giao thông khi qua đường ngang biển báo, tự ý băng qua đường sắt, tự mở lối đi dân sinh đã gây không ít khó khăn cho công tác đảm bảo an toàn chạy tàu.

Bên cạnh đó, áp lực từ khách hàng về việc kỳ vọng dịch vụ vận tải ngành đường sắt ngày càng cao như: sự an toàn, môi trường, chất lượng, giá dịch vụ,... cũng là yếu tố để ngành đường sắt nói chung và NBR nói riêng cần phải cải thiện và nâng cao nhiều hơn nữa trong thời gian tới.

Tại thời điểm hiện nay, ngành đường sắt chịu áp lực cạnh tranh ngày càng tăng từ hàng không giá rẻ và đường bộ cao tốc về vận tải hành khách, khi các hãng hàng không liên tục ra đời và mở các đường bay ngắn và trung bình, vốn là lợi thế của đường sắt. Về vận tải hàng hoá, đường sắt chịu áp lực cạnh tranh với đường biển và đường bộ. Dẫn tới thị phần vận tải đường sắt liên tục giảm. Hơn thế nữa, vận tải đường sắt kém linh hoạt hơn vận tải đường bộ, tàu hỏa không thể cung cấp dịch vụ đến một địa điểm bất kỳ và chỉ có thể vận chuyển hành khách, hàng hóa từ ga đến ga, theo lộ trình cố định. Vì thế chi phí vận chuyển cũng tương đối cao hơn so với vận tải bằng đường bộ.

## Các rủi ro

### Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Đối với hoạt động quản lý, bảo trì, sửa chữa và xây dựng công trình giao thông đường sắt như NBR thì nguyên vật liệu đầu vào chiếm tỷ trọng khá lớn trong cơ cấu chi phí sản xuất của Công ty. Do vậy, giá của các loại nguyên vật liệu tăng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến đầu vào của NBR, trong khi giá cả dịch vụ công không thể điều chỉnh tăng tương ứng, điều đó sẽ tác động không tốt lợi nhuận của Công ty.

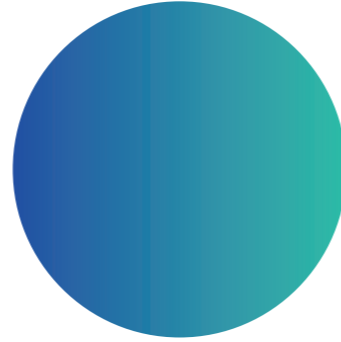
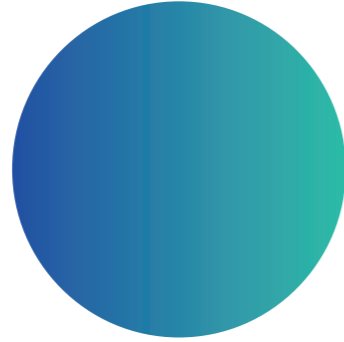
### Rủi ro về luật pháp

Công ty hoạt động dưới mô hình là công ty cổ phần, đồng thời đã trở thành công ty đại chúng và được đăng ký giao dịch (UPCOM) trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, nên hoạt động của NBR chịu tác động của hệ thống pháp luật Việt Nam và các chính sách liên quan bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đường sắt,... Tuy nhiên, hiện nay văn bản pháp luật Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện để đảm bảo tính minh bạch và phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế. Vì thế, NBR luôn chủ động cập nhật và theo dõi các chính sách, chủ trương mới của Nhà nước, luật pháp và thông lệ quốc tế để đưa ra mục tiêu, kế hoạch phù hợp hoạt động kinh doanh của Công ty.

### Rủi ro khác

Để hạn chế những rủi ro về thiên tai, cháy nổ, dịch bệnh,... hoặc các rủi ro không dự báo trước được nhưng lại gây thiệt hại rất lớn về người và tài sản, Công ty đã chủ động phòng tránh bằng các biện pháp như: mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản của Công ty, xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng, trang bị các thiết bị bảo vệ an toàn theo quy định và tổ chức các buổi tập huấn cho cán bộ nhân viên về những kiến thức cần thiết để đảm bảo an toàn khi có rủi ro xảy ra.





## Phần II: Tình hình hoạt động kinh doanh



- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
- Tình hình cổ đông
- Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

# Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

## Tình hình chung của ngành đường sắt năm 2019

Ngành đường sắt tiếp tục nhận được sự giúp đỡ của Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương, cụ thể là những “nút thắt” về kết cấu hạ tầng đường sắt đã được Quốc hội, Chính phủ thông qua chủ trương đầu tư cho giai đoạn 2016 – 2020 và tiếp tục được chuẩn bị kế hoạch cho giai đoạn 2021 – 2025; báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án Đường sắt tốc độ cao đã được trình Chính phủ và nhận được sự quan tâm từ dư luận xã hội.

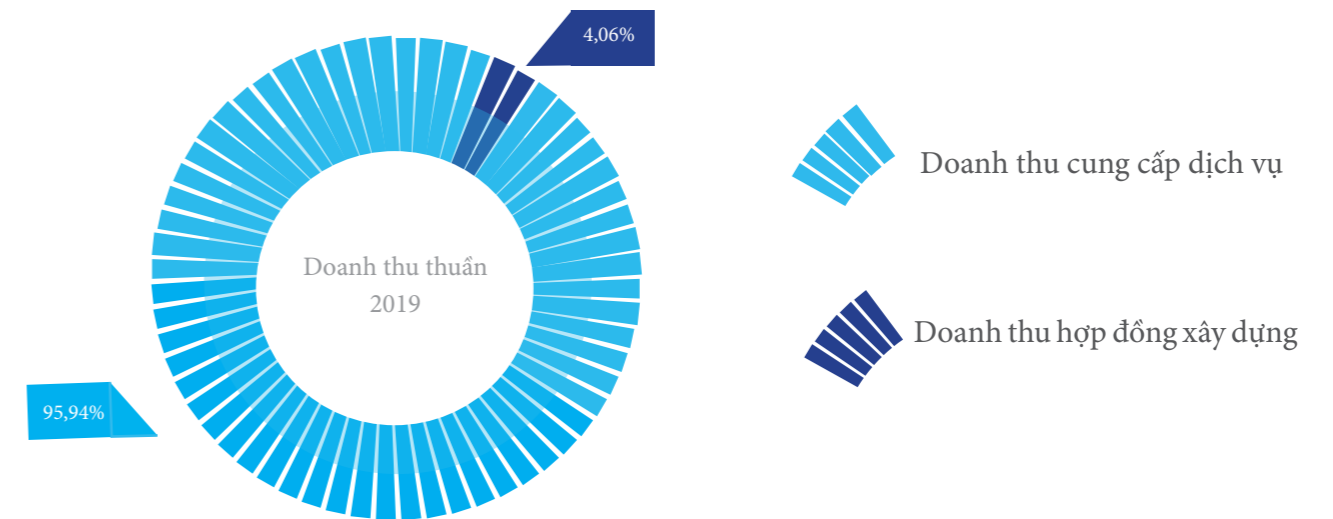
Theo báo cáo của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, trong năm 2019 an toàn giao thông đường sắt có những kết quả tích cực thông qua các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước, trong đó đã hoàn thành cải tạo, nâng cấp 270 đường ngang biển báo thành đường ngang có gác hoặc lắp cần chắn tự động. Tình hình trật tự an toàn giao thông đường sắt được kiểm soát. Tính chung cả năm cải thiện tốt hơn so với năm 2018, giảm được cả 3 tiêu chí về số vụ, số người chết, số người bị thương; kiểm soát được tai nạn do chủ quan, giảm tai nạn đặc biệt nghiêm trọng, số vụ sự cố chạy tàu do lỗi chủ quan giảm mạnh gần 17%. Cụ thể như: số vụ tai nạn giao thông đường sắt là 257 vụ, giảm 3 vụ so với năm 2018, trong đó 10 vụ do nguyên nhân chủ quan, không tăng không giảm; 247 vụ do nguyên nhân khách quan, giảm 3 vụ tương đương giảm 1,2%. Số người chết là 110 người giảm 9,84%; số người bị thương là 180 người, giảm 3 người. Sự cố chạy tàu xảy ra 1.021 vụ, giảm 284 vụ, trong đó có 458 vụ là do khách quan, giảm 27% và 563 vụ là do chủ quan, giảm 16,84%.

## Bảng hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2018	TH 2019	KH 2019	TH2019/TH2018	TH2019/KH2019
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	143,03	150,10	146,75	104,94%	102,28%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3,10	3,67	3,67	118,39%	100,05%
3	Tỷ lệ chia cổ tức	Tỷ đồng	8,00	12,20	12,20	152,50%	100%

## Bảng cơ cấu doanh thu thuần

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2019/Năm 2018
1	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	139,50	144,00	103,23%
2	Doanh thu hợp đồng xây dựng	Tỷ đồng	3,53	6,10	172,80%



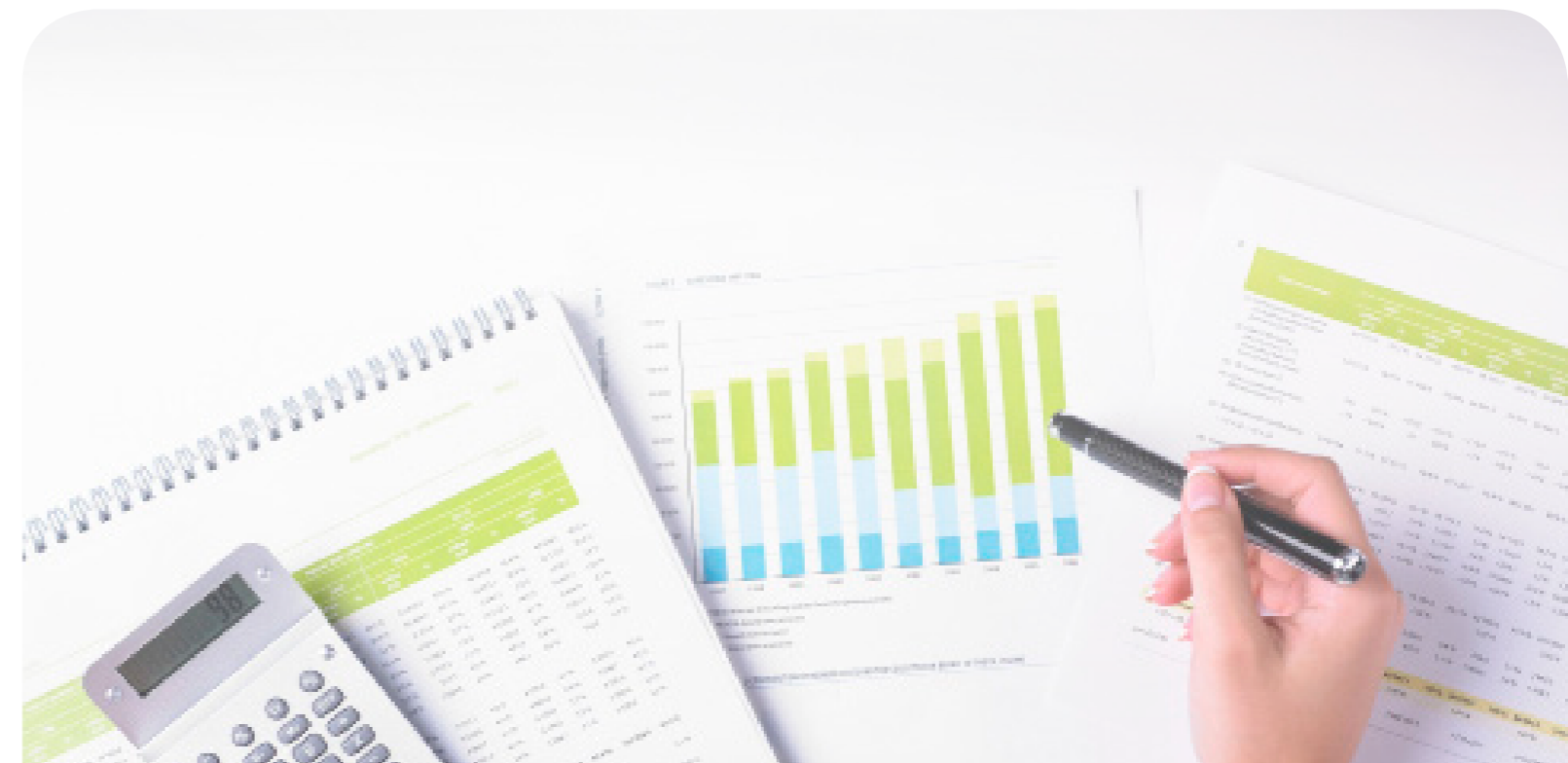
Hoạt động kinh doanh chính của NBR là cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng các đường ray xe lửa và sửa chữa, xây dựng các đường ngang của các đoạn đường sắt.

Trong 5 năm gần đây, hoạt động kinh doanh của Công ty luôn có tốc độ tăng trưởng trung bình gần 5%, cho thấy sự hiệu quả trong công tác điều hành và quản lý của ban lãnh đạo NBR. Tính riêng năm 2019, Công ty đã đạt mọi chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đề ra, cụ thể về doanh thu thuần Công ty đạt 104,94% so với năm 2018, trong đó, mảng cung cấp dịch vụ tăng hơn 4 tỷ đồng tương đương tăng 3,23%, chủ yếu là các hợp đồng quản lý, bảo trì, bảo dưỡng từ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

Bên cạnh đó, mảng xây dựng là điểm sáng của Công ty khi tăng gần 75% so với cùng kỳ năm trước, lý do là vì trong năm NBR đã hỗ trợ nâng cấp, cải tạo, sửa chữa đường ngang cho CTCP Thông tin tín hiệu đường sắt Đà Nẵng.

Lợi nhuận sau thuế năm 2019 đạt 3,7 tỷ đồng, tương đương tăng gần 20% so với cùng kỳ năm 2018 và hoàn thành so với kế hoạch đã đề ra từ đầu năm.

Nhìn chung, năm 2019 Công ty có sự tăng trưởng tốt mặc dù có sự cạnh tranh gay gắt với các doanh nghiệp trong ngành lẫn ngoài ngành như: vận tải hàng không, vận tải đường bộ, vận tải đường thủy,...



# Tổ chức và nhân sự

## Danh sách Ban Điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Mai Văn Tàn	Giám đốc	
2	Ông Lưu Thanh Tùng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/04/2019
3	Ông Trần Văn Hào	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21/11/2019
4	Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Giám đốc	
5	Ông Lê Công Đệ	Phó Giám đốc	Nghỉ hưu theo chế độ
6	Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Kế toán trưởng	

## Sơ yếu lý lịch Ban Điều hành

### Ông Mai Văn Tàn - Giám đốc



Năm sinh	01/01/1963
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng đường sắt
Quá trình công tác	
Từ 04/1982 - 06/1985	Tập sự, kỹ thuật viên Đội đường 401 Quảng Ngãi thuộc Đoạn cầu đường Nghĩa Bình.
Từ 06/1985 - 03/1990	Đội phó Đội đại tu Đường sắt 409 thuộc Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 03/1990 - 01/1998	Kỹ thuật viên, thống kê Đội QLĐS 409 Điều Trì thuộc Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 01/1998 - 09/2000	Bí thư chi bộ, Đội trưởng Đội QLĐS 409 Điều Trì thuộc Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 9/2000 - 03/2008	Phó trưởng phòng Kế hoạch - Vật tư thuộc Công ty QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 03/2008 - 11/2015	Phó trưởng phòng TCCB - LĐ thuộc Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 04/11/2015 - 30/11/2015	Phó giám đốc Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 01/12/2015 - 07/01/2016	Giám đốc Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 08/01/2016 - nay	Giám đốc Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	5.840 cổ phiếu tương ứng 0,32% vốn điều lệ
Số cổ phiếu được ủy quyền đại diện cho TCT Đường sắt Việt Nam	460.530 cổ phiếu tương ứng 25,5% vốn điều lệ

### Ông Lưu Thanh Tùng - Phó Giám đốc



Năm sinh	10/11/1979
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác:	
10/2001 - 12/2003	Kỹ thuật viên Phòng kỹ thuật - Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình
01/2004 - 12/2004	Kỹ thuật viên Xí nghiệp kinh doanh dịch vụ - xây dựng công trình
01/2005 - 03/2009	Kỹ thuật viên phòng Kỹ thuật Công ty QLĐS Nghĩa Bình
04/2009 - 04/2017	Phó phòng Kỹ thuật - An toàn, Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình
05/2017 - 03/2019	Đội trưởng đội cầu đường Điều Trì, Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình
04/2019 - nay	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	2.920 cổ phiếu tương ứng 0,16% vốn điều lệ

### Ông Trần Văn Hào - Phó Giám đốc



Năm sinh	15/12/1975
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng cầu đường, Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
11/1992 - 6/2000	Công nhân duy tu đường sắt Đội đường 407 Phù Cát, Xí Nghiệp QLĐS Nghĩa Bình
06/2000 - 01/2004	Cung trưởng cung Vân Sơn, Đội 407, Công ty QLĐS Nghĩa Bình
01/2004 - 04/2016	Chuyên viên phòng kế hoạch - vật tư, Công ty QLĐS Nghĩa Bình
04/2016 - 01/2019	Phó trưởng phòng tổ chức - hành chính Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình
02/2019 - 11/2019	Trưởng phòng tổ chức - hành chính Công ty QLĐS Nghĩa Bình
11/2019 - nay	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng tổ chức - hành chính Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	3.385 cổ phiếu tương ứng 0,19% vốn điều lệ

**Ông Nguyễn Thanh Hải - Phó Giám đốc**



Năm sinh	12/03/1969
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Kinh tế xây dựng Giao thông vận tải
Quá trình công tác:	Quá trình công tác:
Từ 06/1988 – 06/1990	Công nhân phụ xe tải phòng Vật tư, Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình
Từ 06/1990 – 08/1997	Công nhân lái xe phòng Vật tư thuộc Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 08/1997 – 02/1998	Nhân viên phòng Vật tư thuộc Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 02/1998 – 01/2004	Phó trưởng phòng Vật tư thuộc Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 01/2004 – 01/2011	Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp Công ty QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 26/01/2011 – 15/12/2011	Chánh văn phòng Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 16/12/2011 – 07/01/2016	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình
Từ 08/01/2016 – nay	Phó Giám đốc Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	4.630 cổ phần tương ứng 0,26% vốn điều lệ

**Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Kế toán trưởng**



Năm sinh	17/08/1976
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
Từ 06/1999 - 02/2012	Nhân viên phòng Tài chính - Kế toán, Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình
Từ 03/2012 - 02/2014	Phó trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình
Từ 03/2014 - 01/2015	Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 02/2015 - 07/01/2016	Kế toán trưởng, Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 08/01/2016 - nay	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	5.630 cổ phần tương ứng 0,31% vốn điều lệ

**Những thay đổi trong Ban Điều hành**

Stt	Quyết định	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
1	43/QĐ-ĐSNB	Ông Lưu Thanh Tùng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/04/2019
2	176/QĐ-ĐSNB	Ông Trần Văn Hào	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21/11/2019
3	97/QĐ-ĐSNB	Ông Lê Công Đệ	Phó Giám đốc	Nghỉ hưu theo chế độ ngày 01/09/2019

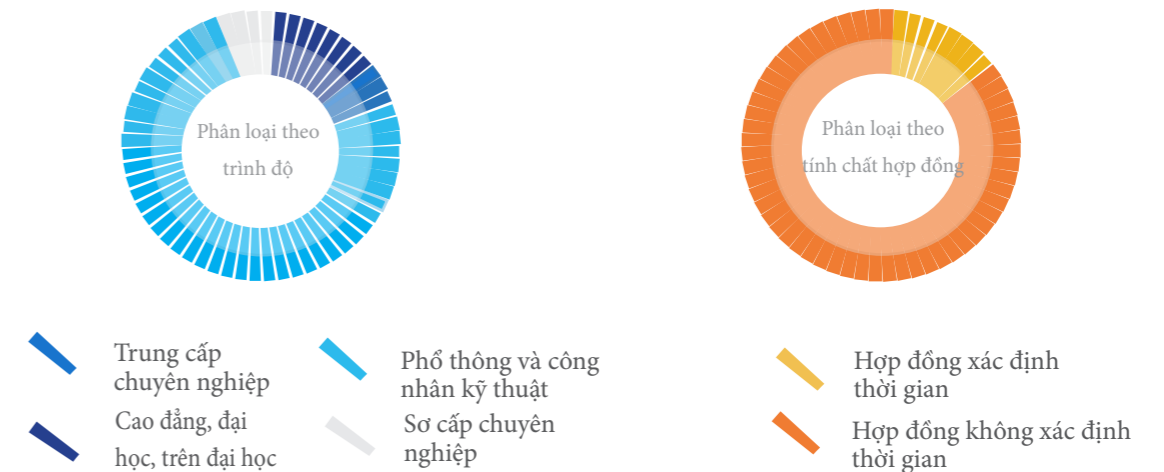
**Số lượng cán bộ, nhân viên**

STT	Tình chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>A</b>	<b>Theo trình độ</b>	<b>544</b>	<b>100,00</b>
1	Cao đẳng, đại học, trên đại học	85	15,63%
2	Trung cấp chuyên nghiệp	29	5,33%
3	Sơ cấp chuyên nghiệp	47	8,64%
4	Phổ thông và công nhân kỹ thuật	383	70,40%
<b>B</b>	<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>	<b>544</b>	<b>100,00</b>
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	68	12,50
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	476	87,50

**Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm**

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Tổng số người lao động (người)	631	615	585	582	544
Thu nhập bình quân (đồng/tháng/người)	6.820.000	7.370.000	8.320.000	9.197.000	10.117.000

**Biểu đồ phân loại cán bộ, nhân viên**



## Tình hình đầu tư thực hiện dự án

Hoạt động đầu tư vốn ngoài doanh nghiệp: Không có

Trong năm 2019, Công ty có đầu tư mua sắm tài sản cố định gồm những tài sản sau:

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
<b>I Máy móc, thiết bị công tác</b>					
01	Máy chèn đường thủy lực model XYD-2AIII	Bộ	3	248.000.000	744.000.000
02	Máy toàn đạt điện tử	Cái	1	144.000.000	144.000.000
03	Máy xiết bu lông NLB-500	Cái	8	84.818.182	678.545.455
04	Dàn đèn phục vụ thi công	Bộ	1	180.000.000	180.000.000
05	Máy khoan ray PR2	Cái	1	144.650.000	144.650.000
06	Máy cửa ray MTZ-350	Cái	1	131.700.000	131.700.000
<b>II Phương tiện vận tải</b>					
01	Xe ô tô 7 chỗ Mitsubishi Outlander	Xe	1	908.145.455	908.145.455
<b>Tổng cộng</b>					<b>2.931.040.910</b>

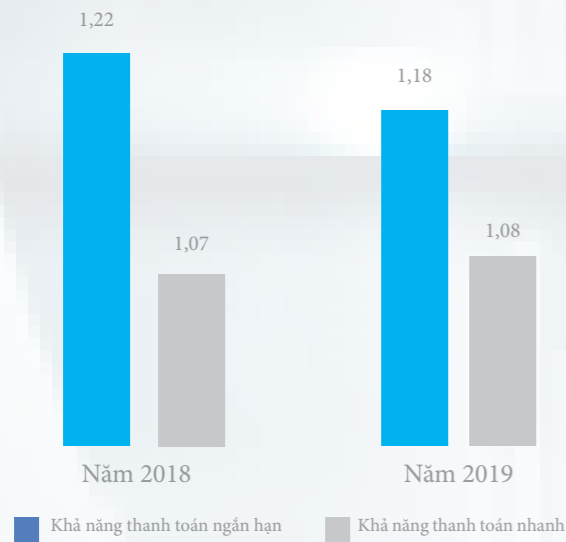
## Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019
<b>Khả năng thanh toán nhanh</b>			
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,22	1,18
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,07	1,08
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	63,80	67,69
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	176,27	209,46
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	vòng	25,43	24,54
Vòng quay tổng tài sản	vòng	2,30	2,23
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	2,17	2,45
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	%	16,11	18,61
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	%	5,00	5,43
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	2,97	3,09



Đơn vị tính: Lần

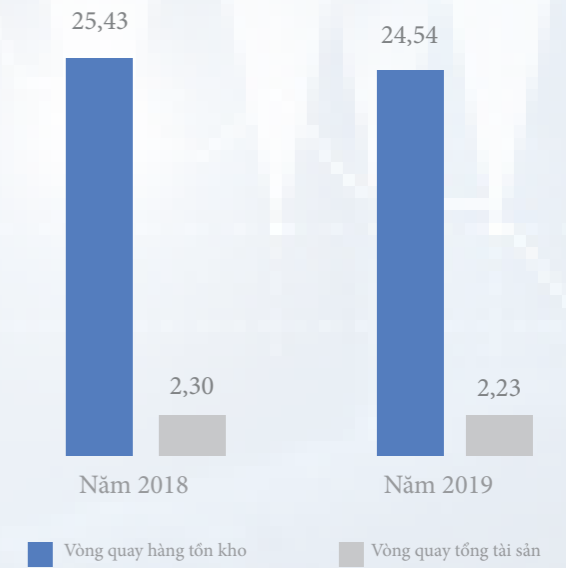
Khả năng thanh toán



Trong năm 2019, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của NBR ở mức tốt (lớn hơn 1), thể hiện rằng Công ty luôn đảm bảo khả năng thanh toán đối với các khoản nợ ngắn hạn của Công ty. Cụ thể, khả năng thanh toán ngắn hạn giảm nhẹ từ 1,22 lần xuống còn 1,18 trong năm 2019, và khả năng thanh toán nhanh có tăng nhưng không đáng kể. Nguyên nhân do NBR nhận thêm hợp đồng bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa đường ngang cho các khách hàng, dẫn đến việc Công ty phải mua thêm nguyên vật liệu để đáp ứng kịp thời tiến độ.

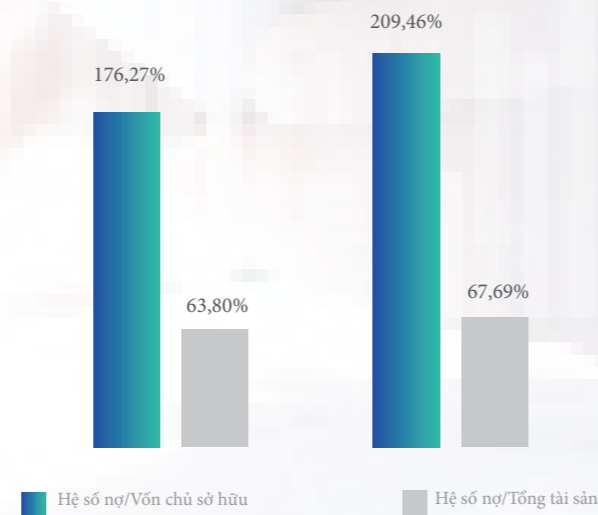
Khả năng về năng lực hoạt động

Đơn vị tính: Vòng



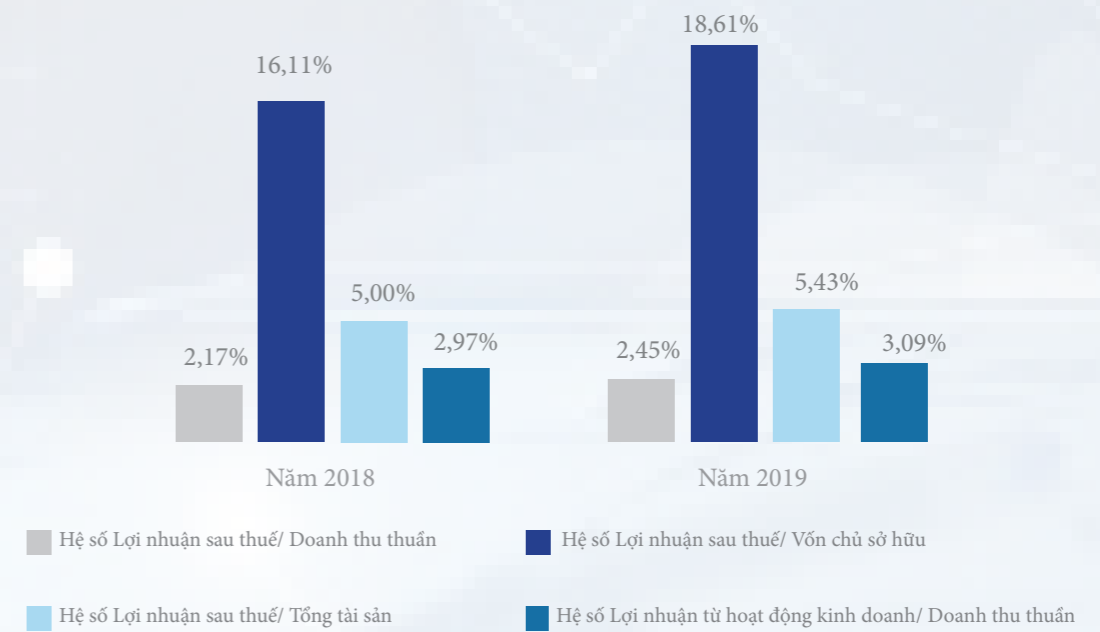
Các chỉ số về năng lực hoạt động của NBR trong năm có xu hướng giảm nhẹ, nguyên nhân là vì trong năm Công ty mua thêm các nguyên vật liệu để đảm bảo hoạt động kinh doanh. Mặt khác, khoản phải thu từ các hợp đồng mới tăng sắp xỉ 17 tỷ đồng dẫn đến tổng tài sản của NBR tăng lên tương ứng. Cho thấy hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn đang duy trì ở mức ổn định.

Nhìn chung trong năm 2019, hệ số nợ/tổng tài sản và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu của NBR đều tăng so với năm 2018 lần lượt là gần 4% và sắp xỉ 35%, chủ yếu nhờ Công ty gia tăng thêm các hợp đồng dẫn đến tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hệ số khả năng sinh lời



Hầu hết các chỉ tiêu về khả năng sinh lời như: ROS, ROE, ROA của Công ty trong năm 2019 đều tăng so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ tiêu ROE tăng nhiều nhất với mức tăng 2,5%, tiếp theo là ROA và ROS tăng sắp xỉ 0,5%, thể hiện rằng doanh thu thuần của NBR luôn tăng trưởng ổn định và quản lý hiệu quả các chi phí, dẫn đến lợi nhuận sau thuế tăng so với năm 2018, đạt giá trị 3,67 tỷ đồng.



# Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư

Thông tin cổ phần tại thời điểm 22/10/2019  
 Vốn điều lệ công ty: 18.060.000.000 đồng  
 Tổng cổ phiếu phát hành: 1.806.000 cổ phiếu  
 Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông  
 Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu  
 Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu  
 Vốn điều lệ công ty: 18.060.000.000 đồng

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông (người)	Số lượng cổ phiếu sở hữu (cổ phiếu)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Cổ đông nhà nước	1	921.060	51,00
2	Cổ đông trong nước	438	881.640	48,82
	- Tổ chức	-	-	-
	- Cá nhân	438	881.640	48,82
3	Cổ đông nước ngoài	2	3.100	0,18
	- Tổ chức	1	3.100	0,17
	- Cá nhân	1	200	0,01
4	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
	Tổng cộng	441	1.806.000	100,00

## Danh sách cổ đông lớn

Tên nhà đầu tư	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	921.060 cổ phiếu	51,00%

Tình hình thay đổi vốn điều lệ: Trong năm 2019, Công ty không thay đổi vốn điều lệ.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Trong năm 2019, Công ty không giao dịch cổ phiếu quỹ.

Các chứng khoán khác: Không có.



# Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

## Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu được Công ty sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu là các vật tư chuyên dùng như: Ray, Ghi, Tâm Ghi, Tà vẹt các loại, phụ kiện liên kết (lập lách, đinh, cóc,...) và các nguyên vật liệu thông thường khác như: Xi măng, Sắt, Cát, Đá,... Tất cả các nguyên vật liệu đều được mua sắm, kiểm nghiệm theo đúng quy chế quản lý vật tư, hàng hóa của Công ty và có nhãn hiệu, nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, được sử dụng đúng định mức quy định, không để xảy ra tình trạng tiêu hao quá mức.



## Tiêu thụ nước

Công ty ký hợp đồng mua nước tại các Công ty cung cấp nước sạch trên địa bàn hai tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi để phục vụ nước sinh hoạt cho các đơn vị trong toàn Công ty. Đối với những khu vực không có nước sạch, Công ty cung cấp thiết bị lọc nước nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động. Đối với những khu vực sản xuất cấu kiện bê tông thì sử dụng giếng khoan nơi có nguồn nước ngầm sạch nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm.



## Tiêu thụ năng lượng

Doanh nghiệp luôn có sự quan tâm và tiết kiệm trong việc sử dụng và tiêu thụ năng lượng, kiểm soát các định mức, đánh giá mức độ năng lượng sử dụng định kỳ. Nếu xảy ra hiện tượng bất thường, NBR sẽ có những phát hiện sớm và tìm hiểu nguyên nhân, từ đó đưa ra giải pháp hiệu quả và ít tốn kém hơn so với trước đó. Công ty chủ yếu sử dụng các loại năng lượng như: Xăng, dầu diezen, dầu nhớt, điện,... cho cả hoạt động sản xuất và sinh hoạt hằng ngày cho cán bộ công nhân viên. Trong đó:

- Xăng được sử dụng chủ yếu cho việc sử dụng ô tô và máy thi công đường sắt.
- Dầu diezen được sử dụng chủ yếu cho việc sử dụng ô tô và máy thi công đường sắt như máy thay tà vẹt, máy chèn đường, máy đa năng...
- Dầu nhớt được sử dụng chủ yếu cho việc sử dụng ô tô và máy thi công đường sắt.
- Điện phục vụ sản xuất cho các nhà máy đơn vị và các hoạt động trong Công ty.



## Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty đã xây dựng kế hoạch thực hiện bảo vệ môi trường phổ biến trong toàn đơn vị. Tuyên truyền vận động đến toàn thể cán bộ công nhân viên hưởng ứng, thực hiện nhiều chiến dịch bảo vệ môi trường như: ngày môi trường thế giới 05/06, ngày môi trường đường sắt 05/11 và các chiến dịch khác về môi trường do Nhà nước phát động. Trong năm 2019, Công ty luôn tuân thủ luật pháp và các quy định về bảo vệ môi trường.



## Chính sách liên quan đến người lao động

### Chính sách đào tạo

Công ty đẩy mạnh công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ công nhân viên, thực hiện chính sách thu hút lao động. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ.

Cán bộ công nhân viên Công ty đều được đào tạo bài bản. Hằng năm, Công ty luôn xây dựng kế hoạch đào tạo, bổ sung kiến thức, đồng thời tổ chức thi sát hạch đối với tất cả các chức danh làm công tác an toàn chạy tàu và vận hành các loại máy thi công đường sắt, đường bộ.

Đội ngũ cán bộ lãnh đạo của Công ty luôn được trau dồi nghiệp vụ, thường xuyên cử đi các hội thảo chuyên môn để nâng cao hơn nữa năng lực quản lý.

### Môi trường làm việc

Duy trì tổ chức các hoạt động văn hóa – thể thao ở các đơn vị cơ sở; tổ chức gần 100 cán bộ, viên chức lao động đi tham quan, du lịch, học tập trong và ngoài nước; tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện. Trong năm 2019, Công ty đã tiếp tục sử dụng thực hiện một số ứng dụng phần mềm quản lý điều hành, duy trì hợp giao ban và triển khai các Nghị quyết qua hệ thống trực tuyến đối với các đơn vị trực thuộc, một số sáng kiến, cải tiến hợp lý hóa sản xuất đã áp dụng vào sản xuất.

Trang cấp đầy đủ bảo hộ lao động, kiểm soát cảnh báo an toàn thường xuyên trên tất cả các đơn vị của Công ty.



### Trách nhiệm vì cộng đồng

Tích cực tham gia các phong trào hỗ trợ phát triển cộng đồng trên các mặt kinh tế, xã hội kể cả việc hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng như: Phát triển kinh doanh, tạo thêm việc làm cho người kinh doanh tại địa phương và các tỉnh, thành phố lân cận; tham gia các cuộc vận động, các phong trào tương thân tương ái, xây dựng nhà tình nghĩa, giữ gìn trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn.

Thực hiện hiệu quả công tác xã hội như: Phụng dưỡng một mẹ VNAH;

Thăm hỏi, trợ cấp 72 công nhân viên lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn;

Vận động người lao động tham gia hiến máu nhân đạo;

Công tác chăm sóc thiếu niên nhi đồng là con cán bộ công nhân, viên chức lao động

Công ty, đóng góp ủng hộ nhân đạo địa phương, ủng hộ Biên giới hải đảo, thăm hỏi hưởng ứng Ngày thế giới tưởng niệm các nạn nhân tử vong vì tai nạn giao thông và các hoạt động xã hội khác với số tiền chi trên 350 triệu đồng;



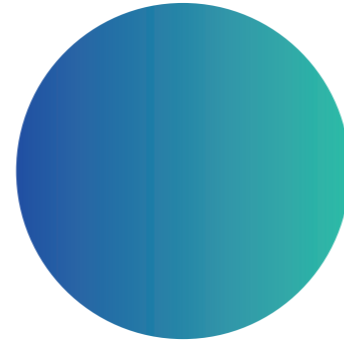
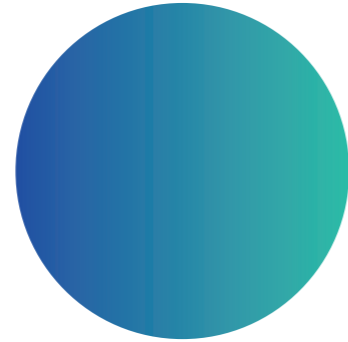
### Chế độ lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Xây dựng chính sách lương, thưởng dựa trên năng suất, chất lượng công việc, đảm bảo tính cạnh tranh với các doanh nghiệp trong cùng ngành, nhằm động viên khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công việc.

Tất cả cán bộ công nhân viên Công ty đều được đóng và hưởng các chế độ bảo hiểm theo quy định. Các chế độ phụ cấp như: độc hại, kiêm nhiệm, chức vụ đều được thanh toán đầy đủ kịp thời theo từng kỳ lương.

Ngoài ra, Công ty luôn chăm lo phúc lợi cho người lao động bằng việc khám sức khỏe định kỳ, trợ cấp ốm đau, thai sản,... Hơn thế nữa, hàng năm NBR có tổ chức cho người lao động đi tham quan, nghỉ mát, du lịch,... nhằm nâng cao đời sống tinh thần.

Các tổ chức chính trị xã hội như Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên trong Công ty được tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật. Trong năm, các tổ chức đoàn thể đã phối hợp với chuyên môn tổ chức có hiệu quả các phong trào thi đua, các hoạt động sinh hoạt đoàn thể, hoạt động văn hóa thể thao.



## Phần III: Báo cáo của Ban Giám đốc



- Báo cáo, đánh giá của Giám đốc
- Tình hình tài chính Công ty
- Công tác quản lý Công ty
- Kế hoạch phát triển tương lai
- Trách nhiệm về môi trường, xã hội

# Báo cáo và đánh giá của Giám đốc

Bảng hiệu quả hoạt động

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2018	TH 2019	KH 2019	TH 2019/TH 2018	TH 2019/KH 2019
Tổng tài sản	Tỷ đồng	62,11	72,77	-	117,16%	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	143,03	150,10	146,75	104,94%	102,28%
Lợi nhuận từ HĐKD	Tỷ đồng	4,24	4,64	-	109,43%	-
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	(0,29)	(0,04)	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3,96	4,60	-	116,16%	-
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3,10	3,67	3,67	118,39%	100,05%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	8,00	12,20	12,20	152,50%	100,00%

## Thuận lợi

Để có được kết quả trên là nhờ có sự đoàn kết nhất trí, sự cố gắng, quyết tâm của toàn thể Hội đồng quản trị, Ban điều hành, CBCNV trong toàn Công ty và có được sự hỗ trợ tin cậy của đối tác và quý cổ đông nhất là cổ đông lớn Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

Hội đồng quản trị Công ty cũng đã quan tâm chỉ đạo sát sao, các thành viên thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình, bám sát tình hình sản xuất, đưa ra các quyết định kịp thời trong các mặt hoạt động của Công ty, trong đó chú trọng công tác nâng cao công nghệ, tiết giảm chi phí, gia tăng lợi nhuận trong hoạt động SXKD.

## Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh

Trong năm, sự ra đời và phát triển của các dịch vụ vận tải hàng không giá rẻ và đường bộ cao tốc tạo ra áp lực cạnh tranh rất lớn làm giảm thị phần của vận tải đường sắt. Nhưng với những nỗ lực phát triển về dịch vụ vận tải đường sắt, sự đoàn kết và những cố gắng, nỗ lực của CBCNV thì Công ty có những thành tựu đạt được như sau: Doanh thu thuần đạt kết quả cao, tăng gần 5% so với năm 2018 và đạt 102,28% so với kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế năm 2019 tăng 18,39% so với cùng kỳ và đạt kế hoạch đề ra.

## Khó khăn

Năm 2019 là năm thứ tư Công ty đi vào hoạt động mô hình công ty cổ phần, đã có nhiều sự đổi mới về công tác quản trị nhưng còn gặp rất nhiều khó khăn; Tìm kiếm công ăn việc làm ngoài sản xuất chính còn hạn chế.

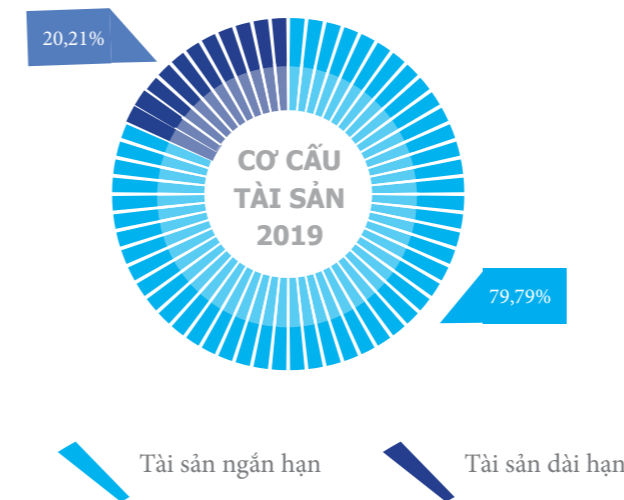
Công tác đảm bảo an toàn giao thông đường sắt diễn biến phức tạp nhất là các vị trí đường ngang biển báo, lối đi tự mở và hành lang an toàn giao thông đường sắt.

Mặc dù vậy tập thể Hội đồng quản trị, Ban điều hành và người lao động của Công ty thực sự đoàn kết nhất trí, ý thức trách nhiệm cao đưa Công ty vượt qua khó khăn để sản xuất kinh doanh ổn định và phát triển.

# Tình hình tài chính

## Tình hình tài sản

Chỉ số	Đơn vị tính	31/12/2018	31/12/2019
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	48,10	58,06
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	14,02	14,71
Tổng tài sản	Tỷ đồng	62,12	72,77



Tài sản của Công ty chủ yếu là tài sản ngắn hạn và trong năm tài sản ngắn hạn cũng có sự biến động. Tài sản ngắn hạn tăng gần 10 tỷ đồng là do Công ty có các hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng tại các đoạn đường có khoản phải thu từ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam là khoảng hơn 40 tỷ đồng chiếm phần lớn trong tài sản ngắn hạn của Công ty.

## Tình hình nợ phải trả

Chỉ số	Đơn vị tính	31/12/2018	31/12/2019
Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	39,51	49,25
Nợ dài hạn	Tỷ đồng	0,13	0
Tổng nợ	Tỷ đồng	39,63	49,27



Trong năm Công ty đã tắt toán các khoản nợ dài hạn và có sự biến động khoản nợ ngắn hạn. Cụ thể: Nợ ngắn hạn tăng gần 10 tỷ đồng do Công ty chưa trả tiền cho các nhà cung cấp đồng thời chi phí nhân công tăng cũng vì các hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng nhiều hơn.

# Công tác quản lý

Công tác quản lý trong được Ban Giám đốc điều hành kịp thời và hiệu quả, đạt được doanh thu và lợi nhuận cao nhất. Công tác quản lý của Ban Lãnh đạo luôn tạo điều kiện và cơ hội cho người lao động có những đãi ngộ tốt nhất về môi trường cũng như phúc lợi xã hội.

Trong năm 2019, Công ty đã chủ động trong công tác tiếp thị đấu thầu các dự án do Tổng công ty Đường sắt Việt Nam làm chủ đầu tư, tiếp thị nhận thầu để tìm kiếm việc làm cho cán bộ công nhân viên. Đồng thời, chủ động tham gia đấu thầu một số gói thầu, dự án phù hợp với năng lực của Công ty.

Công ty ký hợp đồng đã đảm nhận thi công quản lý, bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt từ Km 903+000 -/- 1096+200 tuyến đường sắt thống nhất Hà Nội - TP Hồ Chí Minh, tuyến đường sắt Diêu Trì - Quy Nhơn và công trình sửa chữa định kỳ dưới 500 triệu đồng đều đảm bảo các mục tiêu như: Tiến độ, chất lượng, giữ vững công lệnh tốc độ, tải trọng và đặc biệt là đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu.



Mục tiêu phát triển bền vững là trọng tâm gắn liền hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban lãnh đạo khuyến khích toàn bộ người lao động phải luôn đi đầu trong các hoạt động bảo vệ môi trường tự nhiên và xã hội bằng những hành động thiết thực, hiệu quả như: Tuyên truyền nâng cao nhận thức về ứng phó biến đổi khí hậu, tăng cường đảm bảo an ninh, an toàn phòng cháy chữa cháy trong tất cả các hoạt động của Công ty.



Kết quả đạt được, Công ty đã bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu, SXKD đạt hiệu quả kinh tế, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, quyền lợi của cổ đông được đảm bảo.

Ban điều hành Công ty luôn bám sát các Chủ đầu tư để giải quyết các vướng mắc đẩy mạnh công tác nghiệm thu, thanh quyết toán các công trình đã và đang thi công, bảo đảm đủ nguồn vốn cho hoạt động SXKD. Tuy nhiên, một số công trình còn vướng mắc về cơ chế thanh toán với chủ đầu tư nên chưa giải quyết dứt điểm dẫn đến dở dang, công nợ chưa thanh toán.

Năm 2019, Công ty hoàn thành nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao; Vốn chủ sở hữu được bảo toàn; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước; quyền lợi của cổ đông được đảm bảo; Thực hiện tốt công tác trả lương và các chế độ cho người lao động, thu nhập và đời sống của người lao động được nâng lên.

# Kế hoạch phát triển tương lai

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020
Doanh thu	Tỷ đồng	160,41
Sản lượng	Tỷ đồng	175,57
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3,70
Tỷ lệ trả cổ tức	%	12,20



## Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Xây dựng, bổ sung, hoàn thiện hệ thống các quy chế quản lý công ty nhằm phục vụ:

- Công tác thi đua – khen thưởng.
- Giới thiệu, bổ nhiệm cán bộ đối với nguồn nhân sự tại chỗ;
- An toàn giao thông đường sắt;
- Văn thư và lưu trữ tốt hơn;
- Công tác phối hợp giữa Ban chấp hành Đảng bộ với Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty phù hợp với mô hình sản xuất mới.
- Khai thác và sử dụng hệ thống camera hỗ trợ công tác đảm bảo an ninh trật tự và an toàn giao thông đường sắt tại các điểm chắn đường có gác.
- Rà soát, bổ sung quản lý kỹ thuật cầu, đường, hầm, ghi và các công trình kiến trúc toàn tuyến trên máy tính kèm theo tài liệu, hình ảnh.
- Quản lý, sử dụng khai thác có hiệu quả các loại máy công trình, thiết bị thi công cơ giới hóa trong công tác sửa chữa kết cấu hạ tầng.



## Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tăng cường công tác quản trị, nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm thiểu các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đảm bảo mục tiêu tiến độ, chất lượng thi công tại các công trình, đặc biệt phải đạt được mục tiêu tiến độ, chất lượng công trình quản lý, bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt, giữ vững công lịch tốc độ, tải trọng và đặc biệt là đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu
- Tiếp thị đấu thầu tìm kiếm thêm nguồn việc, bổ sung giá trị sản lượng. Tăng cường tiếp thị đấu thầu lĩnh vực xây dựng cơ bản, dịch vụ nhà hàng
- Tập trung giải quyết dứt điểm các vướng mắc trong công tác quyết toán với Chủ đầu tư, đẩy mạnh công tác nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành; thanh toán, quyết toán dứt điểm các công trình đã thi công hoàn thành những năm trước.
- Nghiên cứu và áp dụng các công nghệ thi công mới vào sản xuất nhằm tăng năng suất lao động. Tiếp tục xây dựng các biện pháp, giải pháp để quản lý chi phí trực tiếp, tiết kiệm chi phí giá thành sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách, quy trình trong công tác tổ chức cán bộ và công tác tài chính kế toán, sử dụng vật tư. Sử dụng vốn có hiệu quả phục vụ sản xuất kinh doanh.

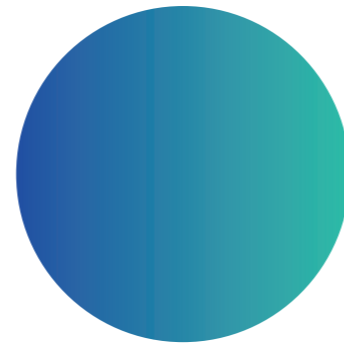
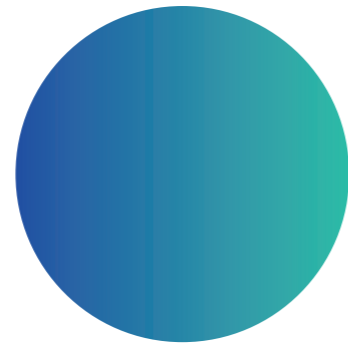


# Kế hoạch mua sắm máy móc, thiết bị năm 2020

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng
01	Máy chèn đường cơ cấu thủy lực	Bộ	03
02	Dàn đèn thi công đường sắt	Bộ	02
03	Máy khoan tà vẹt gỗ	Cái	08
04	Máy cưa ray	Cái	02
05	Máy khoan ray	Cái	02







## Phần IV: Báo cáo Hội đồng quản trị



- Đánh giá của hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc
- Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

# Về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm, được sự quan tâm từ Chính quyền địa phương, Tổng Công ty, cùng sự quyết tâm của toàn thể cán bộ công nhân viên đã hoàn thành:

- Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, các Quy chế phối hợp công tác giữa Ban Chấp hành Đảng bộ Công ty với Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
- Hội đồng quản trị lãnh đạo, giám sát Ban Điều hành Công ty triển khai thực hiện vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 đã thông qua.
- Đảm bảo công tác an toàn chạy tàu, an ninh trật tự, an toàn các công trình.
- Triển khai các biện pháp đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông đường sắt và các phong trào thi đua để chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước, của ngành và của Công ty;
- Sắp xếp lại các tổ chức, nhân lực của các phòng nghiệp vụ: Các Cung, Đội, Xí nghiệp giảm đầu mối, giảm lao động, tăng thu nhập cho cán bộ công nhân viên;
- Giữ vững đoàn kết nội bộ Công ty, không để xảy ra đơn thư, khiếu nại;
- Công tác kiểm tra, sửa chữa các điểm xóc lắc của các đơn vị có nhiều cố gắng, giữ vững chất lượng cầu đường;
- Thực hiện chính sách, tổ chức tốt các hoạt động chăm lo đời sống CBNV – NLD Công ty.

Một số vấn đề khắc phục:

- Trong lãnh đạo công tác đảm bảo an toàn giao thông đường sắt: Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, giám sát Ban điều hành cần thực hiện tốt việc phối hợp với các cấp chính quyền địa phương. Thực hiện tốt công tác an toàn giao thông đường sắt, an ninh trật tự, an ninh quốc phòng và bảo vệ môi trường. Trong năm, Công ty đã nỗ lực rào chắn và cấm toàn bộ biển báo các lối đi tự mở.
- Những tiềm ẩn về nguy cơ mất an toàn chạy tàu ở các đường ngang không gác, lối đi tự mở vẫn còn.
- Công tác tham mưu của một số phòng chuyên môn nghiệp vụ đôi lúc chưa nhạy bén, giải quyết công việc chưa được tốt;
- Các đơn vị cần tăng cường công tác kiểm tra, quản lý chặt chẽ, nhất là lực lượng làm công tác an toàn.



# Đánh giá về Ban Giám đốc

## Hoạt động giám sát

Năm 2019 là một năm đánh dấu nhiều cột mốc mới tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên hoạt động kinh doanh của Công ty còn gặp nhiều khó khăn. Bằng sự quyết tâm và đoàn kết từ Ban Giám đốc đến cán bộ công nhân viên, Công ty đã cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu đặt ra, một số chỉ tiêu tài chính vượt cao so với kế hoạch đặt ra.

Công tác điều hành được phân công cụ thể và chỉ đạo quyết liệt, bám sát phương hướng và kế hoạch hoạt động theo Đại hội đồng cổ đông năm 2019 và định hướng của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, giám sát Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý Công ty trong việc chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Pháp luật có liên quan đến công tác quản lý doanh nghiệp và nhiệm vụ SXKD của Công ty.

Chỉ đạo, giám sát đảm bảo tiến độ và chất lượng thi công các công trình do Công ty đảm nhận theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

Giám sát việc sử dụng và quản lý tài sản; giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

Kiểm tra, giám sát việc triển khai, thực hiện trong năm 2019 để án số 123/ĐA-ĐSNB ngày 15/10/2018 về mô hình sản xuất bóc tách công tác duy tu bảo trì và công tác quản lý an toàn các đội cầu đường thuộc Công ty. Việc triển khai thực hiện kiện toàn, tinh giản bộ máy tổ chức, nhân sự từ cơ quan đến các đơn vị trực thuộc.



Chỉ đạo, giám sát việc đảm bảo chế độ theo quy định Nhà nước; điều kiện môi trường làm việc, thực hiện Thỏa ước lao động tập thể, các chế độ khác đối với người lao động.

Hình thức giám sát: Hội đồng quản trị dự họp với bộ máy điều hành của Công ty để kiểm điểm kết quả thực hiện SXKD hàng quý. Giám sát thông qua việc kiểm tra, kiểm soát của Ban kiểm soát nội bộ Công ty.

Việc kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị đều đúng thẩm quyền, không gây cản trở, chông chéo đến việc điều hành của Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty.

Qua kiểm tra, giám sát, Hội đồng quản trị đã nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động, kết quả thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty, các đơn vị trực thuộc và có những chỉ đạo kịp thời đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, hạn chế các sai sót, rủi ro.

## Kết quả hoạt động giám sát

Trong năm 2019, hoạt động kinh doanh của Công ty có những chuyển biến tích cực đáng ghi nhận.

Hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục tăng trưởng mặc dù gặp nhiều khó khăn. Hoạt động kinh doanh vận tải đang bị chi phối bởi giá nguyên liệu và cạnh tranh gay gắt.

Công tác giữ gìn an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường được quan tâm sâu sắc góp phần mang lại hiệu quả, tạo sự an tâm cho khách hàng.

Công tác công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được chú trọng, góp phần kết nối với nhà đầu tư về hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty.

## Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

Dự kiến sản lượng, doanh thu, chi phí và lợi nhuận: Thực hiện đạt và vượt kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đề ra.

Sau khi xem xét tình hình thực hiện các chỉ tiêu và cân nhắc các nhân tố tác động, HĐQT đề xuất kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2019	KH 2020	KH 2020/ TH 2019
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	150,10	160,41	106,86%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3,67	3,70	100,82%
Tỉ lệ trả cổ tức	%	12,20	12,20	100,00%

# Kế hoạch, định hướng Hội đồng quản trị

Nhiệm vụ trọng tâm năm 2020:

Xác định năm 2020 sẽ là một năm còn nhiều khó khăn đối với hoạt động SXKD của Công ty vì vậy, Hội đồng quản trị quyết tâm tập trung mọi nguồn lực để tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động, bảo đảm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2020, đặc biệt quan tâm đến các chỉ tiêu cơ bản như doanh thu, lợi nhuận, cổ tức, lương và các chế độ của CBCNV Công ty, bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho các cổ đông. Hội đồng quản trị xác định một số nhiệm vụ trọng tâm của của công tác quản trị trong năm 2020 như sau:

- Đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu, an toàn lao động, an ninh trật tự, kiểm chế và giảm dần tai nạn giao thông đường sắt do khách quan so với năm 2019.
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy định liên quan đến công tác quản lý Công ty, làm cơ sở pháp lý cho Ban điều hành triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, kiện toàn cơ cấu tổ chức, củng cố, sắp xếp mô hình quản lý, phù hợp với mô hình hoạt động của Công ty trong thời gian tới để đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả cao nhất. Đảm bảo mục tiêu tiến độ, chất lượng thi công tại các công trình, đặc biệt phải đạt được mục tiêu tiến độ, chất lượng công trình quản lý. Bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt, giữ vững công lệnh tốc, tải trọng và đặc biệt là đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu.
- Phối hợp cùng Ban Kiểm soát Công ty tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ các mặt hoạt động của Công ty nhằm phát huy tối đa đồng vốn đầu tư của các cổ đông và đạt được độ an toàn về tài chính, đảm bảo dòng tiền lành mạnh và bảo toàn vốn, minh bạch hóa các hoạt động theo đúng quy định.



- Thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc chỉ đạo và hỗ trợ Ban điều hành thực hiện tốt công tác SXKD năm 2020 nhằm phấn đấu đạt và vượt các chỉ tiêu đã đề ra, trong đó đặc biệt đẩy nhanh tiến độ, chất lượng, giữ vững công lệnh tốc độ, tải trọng và phải đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu của hoạt động quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt.
- Tiếp thị đấu thầu tìm kiếm thêm nguồn việc, bổ sung giá trị sản lượng. Tăng cường tiếp thị đấu thầu lĩnh vực xây dựng cơ bản, dịch vụ nhà hàng.
- Tập trung giải quyết dứt điểm các vướng mắc trong công tác thanh quyết toán với Chủ đầu tư đẩy mạnh công tác nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành, thanh quyết toán dứt điểm các công trình đã thi công hoàn thành những năm trước.
- Nghiên cứu và áp dụng các công nghệ thi công mới vào sản xuất nhằm tăng năng suất lao động. Tiếp tục xây dựng các biện pháp, giải pháp để quản lý chi phí trực tiếp, tiết kiệm chi phí giá thành sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Thực hiện kịp thời chi trả tiền lương và chế độ cho người lao động. Đảm bảo mức trả cổ tức hàng năm cho các cổ đông.
- Xây dựng Quy chế trả lương Trung tâm dịch vụ Văn hóa - Thể thao đường sắt.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách, quy trình trong công tác. Tổ chức cán bộ và công tác tài chính kế toán, vật tư. Sử dụng đồng vốn có hiệu quả phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Chăm lo đời sống cán bộ nhân viên và người lao động, đảm bảo thu nhập bình quân người lao động tăng 10% so với năm 2019.
- Chỉ đạo, tổ chức các hoạt động nhân các ngày kỷ niệm, ngày lễ lớn trong năm 2020.
- Tổ chức phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ kinh tế xã hội năm 2020 hướng tới kỷ niệm các ngày lễ, sự kiện chính trị - văn hóa - xã hội quan trọng của đất nước, của ngành, của Công ty.



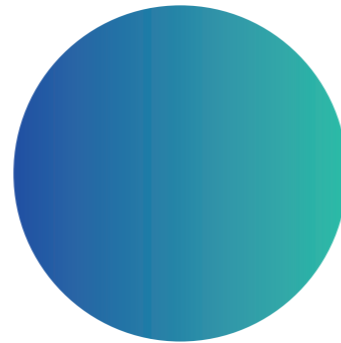
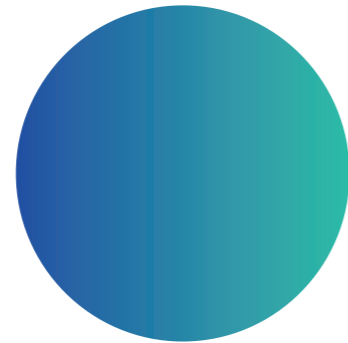
# Kế hoạch, định hướng Hội đồng quản trị

## Các kế hoạch định hướng 2020

Trên cơ sở nhận định những thuận lợi và khó khăn trong năm 2020 ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình, đồng thời xác định yếu tố nội lực về tài chính, nguồn nhân lực của Công ty cũng như xét đến các công việc mà Công ty triển khai thi công trong năm 2020. Hội đồng quản trị xác định nhiệm vụ trong năm 2020, cụ thể:

- Tăng cường công tác quản trị, nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm thiểu các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đảm bảo mục tiêu tiến độ, chất lượng thi công tại các công trình, đặc biệt phải đạt được mục tiêu tiến độ, chất lượng công trình quản lý, bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt, giữ vững công lệnh tốc độ, tải trọng và đặc biệt là đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng năng suất lao động, xây dựng kế hoạch tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực đảm bảo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và các năm tiếp theo.
- Tiếp thị đấu thầu tìm kiếm thêm nguồn việc, bổ sung giá trị sản lượng. Tăng cường tiếp thị đấu thầu lĩnh vực xây dựng cơ bản, dịch vụ nhà hàng.

- Tập trung giải quyết dứt điểm các vướng mắc trong công tác thanh toán, quyết toán với Chủ đầu tư.
- Đẩy mạnh công tác nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành thanh toán, quyết toán dứt điểm các công trình đã thi công hoàn thành những năm trước.
- Nghiên cứu và áp dụng các công nghệ thi công mới vào sản xuất nhằm tăng năng suất lao động. Tiếp tục xây dựng các biện pháp, giải pháp để quản lý chi phí trực tiếp, tiết kiệm chi phí giá thành sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Thực hiện kịp thời chi trả tiền lương và chế độ cho người lao động. Đảm bảo mức trả cổ tức cho các cổ đông.



## Phần V: Quản trị Công ty



- Hoạt động của Hội đồng quản trị
- Hoạt động của Ban kiểm soát
- Các khoản giao dịch, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát

# Hoạt động của Hội đồng quản trị

## Cơ cấu Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
01	Ông Nguyễn Thái Linh	Chủ tịch HĐQT	
02	Ông Mai Văn Tân	Thành viên HĐQT	
03	Ông Trần Văn Hào	Thành viên HĐQT	
04	Ông Lê Công Đệ	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 05/11/2019

## Sơ yếu lý lịch của các Thành viên Hội đồng quản trị

### Ông Nguyễn Thái Linh - Chủ tịch HĐQT



Năm sinh	14/05/1961
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư
Quá trình công tác	
Từ 04/1982 - 03/1990	Kỹ thuật viên - Phân đoạn đường đèo Hải Vân, Phó Bí thư Đoàn TN Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam Đà Nẵng.
Từ 04/1990 - 08/2000	Phó Bí thư, Bí thư Đoàn TN Xí nghiệp Liên hợp vận tải Đường sắt Khu vực II.
Từ 09/2000 - 09/2010	Phó trưởng Phân ban Quản lý Cơ sở hạ tầng Đường sắt Khu vực II.
Từ 16/9/2010 - 11/2015	Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình.
Từ 01/12/2015 - 07/01/2016	Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình.
Từ 08/01/2016 - nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Đường sắt Nghĩa Bình.
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đá Mỹ Trang
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	48.119 cổ phiếu tương ứng 2,66% vốn điều lệ
Số cổ phiếu được ủy quyền đại diện cho TCT Đường sắt Việt Nam	460.530 cổ phiếu tương ứng 25,5% vốn điều lệ

Ông Mai Văn Tân

Thông tin như đã nêu tại mục Sơ yếu lý lịch Ban Điều hành

Ông Trần Văn Hào

Thông tin như đã nêu tại mục Sơ yếu lý lịch Ban Điều hành

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

## Các nghị quyết của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết	Thời gian	Ghi chú
01	Số 01/NQ-HĐQT	30/01/2019	Nghị quyết V/v thông qua kết quả hoạt động SXKD năm 2018 và Phương hướng nhiệm vụ SXKD năm 2019.
02	Số 03/NQ-HĐQT	16/04/2019	Nghị quyết V/v thông qua kế hoạch SXKD quý I năm 2019 và công tác SXKD quý II năm 2019.
03	Số 10/NQ-HĐQT	10/07/2019	Nghị quyết V/v thông qua báo cáo SXKD 6 tháng đầu năm 2019 và công tác SXKD 6 tháng cuối năm 2019.
04	Số 14/NQ-HĐQT	10/10/2019	Nghị quyết V/v thông qua báo cáo SXKD quý III năm 2019 và công tác SXKD quý IV năm 2019.
05	Số 15/NQ-HĐQT	05/11/2019	Nghị quyết V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019.



# Hoạt động của Ban Kiểm soát

## Các cuộc họp trong năm

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự/Tổng số cuộc họp	Ghi chú
01	Lưu Thị Minh Hằng	Trưởng Ban kiểm soát	1/5	Bổ nhiệm ngày 05/11/2019
02	Phan Minh Trung	Thành viên Ban kiểm soát	5/5	
03	Bạch Khôi Tinh	Thành viên Ban kiểm soát	5/5	
04	Trần Thị Kim Loan	Trưởng Ban kiểm soát	4/5	Miễn nhiệm ngày 05/11/2019

## Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
01	Lưu Thị Minh Hằng	Trưởng Ban kiểm soát
02	Phan Minh Trung	Thành viên Ban kiểm soát
03	Bạch Khôi Tinh	Thành viên Ban kiểm soát

## Sơ yếu lý lịch Thành viên Ban kiểm soát

### Bà Lưu Thị Minh Hằng - Trưởng Ban kiểm soát



Năm sinh	17/3/1987
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Kế toán, Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	
Từ 11/2009 - 6/2010	Thống kê Đội quản lý xây dựng Cầu đường Bồng Sơn
Từ 07/2010 - 4/2014	Thống kê Xí nghiệp kinh doanh dịch vụ - xây dựng công trình
Từ 4/2014 - 05/11/2019	Kế toán Trung tâm dịch vụ văn hóa - thể thao đường sắt
Từ 06/11/2019 - nay	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần đường sắt Nghĩa Bình
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	1.030 cổ phần tương ứng 0,06% vốn điều lệ

### Ông Phan Minh Trung - Thành viên Ban kiểm soát



Năm sinh	09/11/1980
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng cầu đường
Quá trình công tác	
Từ 12/1999	Công nhân duy tu sửa chữa cầu, Đội quản lý xây dựng (QLXD) cầu 406 Bồng Sơn, Công ty QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 01/2004 đến 12/2004	Thống kê Đội QLXD cầu 406 Bồng Sơn, Công ty QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 01/2005 đến 30/11/2010	Công nhân duy tu sửa chữa cầu đường sắt Đội QLXD cầu đường Bồng Sơn, Công ty QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 01/12/2010 đến 10/04/2017	Chuyên viên, Phòng Tổ chức - Hành chính, CTCP Đường sắt Nghĩa Bình.
Từ 11/04/2017 - 27/03/2018	Chuyên viên, Phòng Tổ chức - Hành chính, CTCP Đường sắt Nghĩa Bình kiêm Thành viên Ban kiểm soát Công ty
Từ 28/03/2018 - nay	Phó Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, CTCP Đường sắt Nghĩa Bình kiêm Thành viên Ban kiểm soát Công ty
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	1.880 cổ phần tương ứng 0,1% vốn điều lệ

### Ông Bạch Khôi Tinh - Thành viên Ban kiểm soát



Năm sinh	13/8/1981
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng cầu đường
Quá trình công tác	
Từ 08/2008 đến 05/2010	Nhân viên Công ty CP Xây dựng và Thương mại Hồng Long.
Từ 12/2010 đến 03/2011	Nhân viên Công ty Vận tải và Xây dựng Tranco
Từ 04/2011 đến 01/2014	Nhân viên Công ty CP Xây dựng và Thương mại Phan Văn
Từ 03/2014 đến 10/04/2017	Nhân viên Công ty CP Đường sắt Nghĩa Bình
Từ 11/04/2017 - nay	Nhân viên Công ty CP Đường sắt Nghĩa Bình kiêm Thành viên Ban Kiểm soát Công ty
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	995 cổ phần tương ứng 0,05% vốn điều lệ



# Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát

- Hội đồng quản trị chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn bộ máy điều hành tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật trong SXKD; tổ chức công bố thông tin định kỳ và đột xuất theo quy định của Luật chứng khoán. Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; tôn trọng và đảm bảo quyền của cổ đông; đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của Doanh nghiệp và các thành phần có liên quan khác.
- Hội đồng quản trị phối hợp và hỗ trợ Ban điều hành giải quyết những vướng mắc với các đối tác trong công tác thanh toán, công tác kinh tế, đầu tư và tìm kiếm việc làm. Thường xuyên thảo luận giữa Chủ tịch Hội đồng quản trị với Ban điều hành để đạt được sự thống nhất cao trong việc quản lý và điều hành các hoạt động của Công ty.
- Hội đồng quản trị thực hiện nguyên tắc làm việc theo chế độ tập thể, đa số tán thành. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua khi đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết hoặc bỏ phiếu tán thành.
- Các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập đều có sự tham dự đầy đủ của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Nội dung cuộc họp thảo luận xoay quanh định hướng và giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình sản xuất tại đơn vị. Các cuộc họp được chuẩn bị chu đáo và được ghi lại biên bản họp, lưu trữ cẩn thận. Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành đúng trình tự theo quy chế nội bộ và Điều lệ Công ty quy định.
- Hội đồng quản trị đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 để miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát theo đơn từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.
- Hội đồng quản trị thực hiện quy trình bổ nhiệm cán bộ đã bổ nhiệm 02 Phó giám đốc công ty.
- HĐQT đã triển khai sắp xếp lại mô hình tổ chức của Công ty theo đúng mô hình sản xuất mới, nâng cao năng lực quản trị, tăng cường chức năng quản lý, quản trị Công ty.



- Ban Giám đốc thường xuyên tổ chức họp giao ban định kỳ. Nội dung họp tập trung triển khai các định hướng của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và Hội đồng quản trị; giải quyết các vướng mắc trong điều hành, quản lý của Ban Giám đốc.
- Công tác kiểm tra kiểm soát:
  - Kiểm toán soát xét báo cáo tài chính định kỳ, thực hiện công bố thông tin theo quy định.
  - Thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại các chi nhánh, đơn vị trực thuộc.
  - Ban hành các quy chế phân cấp quản lý, định mức nội bộ của Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật và các Quy định hiện hành.
- Năm 2019, Công ty đã được thẩm định nguồn vốn kinh tế sự nghiệp năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, thanh tra công tác tài chính của Thanh tra Bộ Tài chính, kiểm tra kết cấu hạ tầng đường sắt của Cục Đường sắt. Qua thanh tra, kiểm tra được đánh giá là đơn vị thực hiện khá tốt các quy định của pháp luật trong công tác sản xuất kinh doanh.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và các Bộ quản lý

- Công tác quản lý vốn và tài sản, quản lý chất lượng, tiến độ sản phẩm công trình xây dựng, quản lý đầu tư, quản lý lao động... theo đúng các quy định của Pháp luật Nhà nước, Quy định của Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ Công ty.
- Hội đồng quản trị thay mặt Đại hội đồng cổ đông quản lý Công ty. Hội đồng quản trị ban hành các quy chế, quy định phân cấp, phân quyền giữa Hội đồng quản trị và Giám đốc. Đảm bảo sự điều hành không chồng chéo, các quy định ban hành phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định hiện hành của pháp luật Nhà nước.
- Công tác hoạch định chính sách, chỉ đạo quản lý tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước.
- Các văn bản Quy chế quản lý nội bộ Công ty đã được ban hành cho phù hợp với quy định của Pháp luật và yêu cầu thực tế công tác quản lý SXKD.

REGULATIONS

RULES

STANDARDS

COMPLIANCE



## Các khoản giao dịch, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
<b>I. Hội đồng quản trị</b>						
1	Ông Nguyễn Thái Linh	Chủ tịch HĐQT	261.168.700	64.790.000	-	325.958.700
2	Ông Mai Văn Tân	Thành viên HĐQT kiêm GĐ	227.453.100	45.585.000	24.000.000	297.038.100
3	Ông Lê Công Đệ	Thành viên HĐQT	175.912.400	35.234.000	22.000.000	233.146.400
4	Ông Trần Văn Hào	Thành viên HĐQT Phó GĐ	154.500.300	1.425.000	2.000.000	157.925.300
<b>II. Ban kiểm soát</b>						
1	Bà Trần Thị Kim Loan	Trưởng ban	187.303.750	27.614.000	-	214.917.750
2	Ông Phan Minh Trung	Thành viên	132.374.000	925.000	18.000.000	151.299.000
3	Ông Bạch Khôi Tinh	Thành viên	76.438.500	800.000	18.000.000	95.238.500
<b>III. Ban điều hành</b>						
1	Ông Lưu Thanh Tùng	Phó GĐ	130.912.900	700.000	-	131.612.900
2	Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó GĐ	205.380.300	31.989.000	-	237.369.300
3	Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Kế toán trưởng	193.689.800	32.288.000	-	225.977.800

## Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Người giao dịch	Chức vụ	Mua	Ngày thực hiện	Số lượng cổ phiếu sau giao dịch	Tỷ lệ
Ông Nguyễn Thái Linh	Chủ tịch HĐQT	2,090	06/08/2019	48,119	2,66
Ông Nguyễn Thái Linh	Chủ tịch HĐQT	5,730	27/05/2019	46,029	2,55

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

## PHẦN VI: Báo cáo tài chính



**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	<b>2 – 3</b>
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>4</b>
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	<b>5 – 33</b>
Bảng cân đối kế toán	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 33

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019*  
*đã được kiểm toán*

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình tiền thân là Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình được thành lập theo Quyết định số 876/1998/QĐ/TCCB-LĐ ngày 17 tháng 4 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình được chuyển đổi thành Công ty Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình theo Quyết định số 734/2003/QĐ-GTVT ngày 20 tháng 3 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình theo Quyết định số 713/QĐ-ĐS ngày 29 tháng 6 năm 2010 của Tổng Công ty đường sắt Việt Nam và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100259405 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 64/QĐ-BGTVT ngày 08 tháng 01 năm 2015 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100259405 ngày 08 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn giao thông đường sắt;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình giao thông đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông đường sắt, trang thiết bị dụng cụ lao động;
- Khai thác, sản xuất đá và kinh doanh các sản phẩm từ đá;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn, du lịch.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Thái Linh	Chủ tịch	
Ông Mai Văn Tân	Thành viên	
Ông Trần Văn Hào	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 11 năm 2019
Ông Lê Công Đệ	Thành viên	Nghỉ hưu theo chế độ

### BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Mai Văn Tân	Giám đốc	
Ông Lưu Thanh Tùng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2019
Ông Trần Văn Hào	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 11 năm 2019
Ông Lê Công Đệ	Phó Giám đốc	Nghỉ hưu theo chế độ
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Kế toán trưởng	

### KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

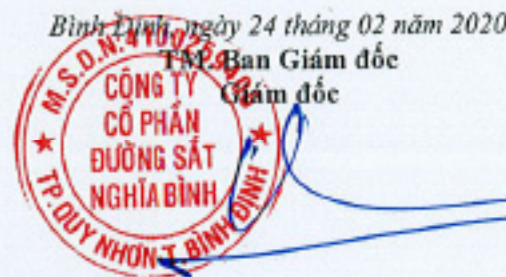
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Bình Định, ngày 24 tháng 02 năm 2020  
Ban Giám đốc  
Giám đốc



Mai Văn Tân

Số: 32/2020/BCKT-AASCN

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình, được lập ngày 24 tháng 02 năm 2020, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2019

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
 Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

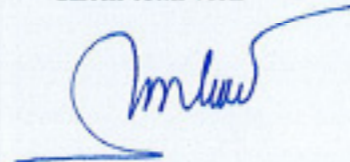
Phó Giám đốc



Mai Văn Công

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2920-2019-152-1

Kiểm toán viên



Nguyễn Hải Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3407-2020-152-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>58.056.829.973</b>	<b>48.098.491.178</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>564.893.277</b>	<b>7.560.488.422</b>
1.	Tiền	111	V.01	564.893.277	7.560.488.422
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>52.467.186.762</b>	<b>34.859.117.302</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	51.472.185.628	34.416.870.250
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	2.135.917.134	1.583.163.052
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(1.140.916.000)	(1.140.916.000)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.05</b>	<b>5.024.749.934</b>	<b>5.678.885.454</b>
1.	Hàng tồn kho	141		5.024.749.934	5.678.885.454
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>14.710.912.547</b>	<b>14.016.344.406</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>12.012.907.413</b>	<b>10.934.265.579</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	12.012.907.413	10.934.265.579
	- Nguyên giá	222		29.305.956.727	26.374.915.817
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(17.293.049.314)	(15.440.650.238)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.698.005.134</b>	<b>3.082.078.827</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	2.698.005.134	3.082.078.827
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>72.767.742.520</b>	<b>62.114.835.584</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>49.253.223.650</b>	<b>39.631.802.909</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>49.253.223.650</b>	<b>39.506.544.659</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	14.472.999.708	11.076.673.792
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	285.823.600	-
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	3.833.387.776	2.925.820.175
4.	Phải trả người lao động	314		28.278.074.964	21.797.037.072
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	105.000.000	105.000.000
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	2.129.376.334	3.325.151.027
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.08	-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		148.561.268	276.862.593
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	<b>125.258.250</b>
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.13	-	125.258.250
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>23.514.518.870</b>	<b>22.483.032.675</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.14</b>	<b>23.514.518.870</b>	<b>22.483.032.675</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		18.060.000.000	18.060.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.060.000.000	18.060.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		1.783.754.000	1.318.754.000
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.670.764.870	3.104.278.675
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		3.670.764.870	3.104.278.675
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>72.767.742.520</b>	<b>62.114.835.584</b>

Người lập biểu


Kế toán trưởng

Bình Định, ngày 24 tháng 02 năm 2020

Giám đốc



Phạm Thế Đạt



Nguyễn Thị Hồng Nhung



Mai Văn Tân

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2019

Đơn vị tính: VND

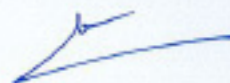
STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	150.095.829.214	143.030.930.729
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		150.095.829.214	143.030.930.729
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	131.329.253.996	126.161.808.657
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.766.575.218	16.869.122.072
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.204.180.939	1.084.565.294
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	11.530.137	9.843.507
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		11.530.137	9.843.507
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	336.277.792	486.367.841
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	14.983.131.377	13.214.348.096
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.639.816.851	4.243.127.922
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	4.000.000	23.711.000
12.	Chi phí khác	32	VI.06	44.288.610	309.192.462
13.	Lợi nhuận khác	40		(40.288.610)	(285.481.462)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.599.528.241	3.957.646.460
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	928.763.371	853.367.785
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3.670.764.870	3.104.278.675
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	2.033	1.057
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	2.033	1.057

Bình Định, ngày 24 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Phạm Thế Đạt

Nguyễn Thị Hồng Nhung

Mai Văn Tân

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		148.300.065.492	150.921.571.769
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(64.697.145.691)	(54.505.010.862)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(71.036.750.224)	(74.971.134.940)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(11.530.137)	(9.843.507)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(553.367.785)	(1.163.055.009)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.445.449.637	761.997.905
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(20.270.656.466)	(16.763.135.205)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(3.823.935.174)</b>	<b>4.271.390.151</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(2.931.040.910)	(1.620.109.091)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(94.000.000.000)	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		94.000.000.000	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.204.180.939	1.084.565.294
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.726.859.971)</b>	<b>(535.543.797)</b>

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		5.000.000.000	1.000.000.000
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(5.000.000.000)	(1.086.400.000)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.444.800.000)	(1.444.800.000)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(1.444.800.000)</b>	<b>(1.531.200.000)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(6.995.595.145)</b>	<b>2.204.646.354</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>7.560.488.422</b>	<b>5.355.842.068</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>564.893.277</b>	<b>7.560.488.422</b>

Người lập biểu

Phạm Thế Đạt

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Nhung

Bình Định, ngày 24 tháng 02 năm 2020

Giám đốc

Mai Văn Tân

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty Cổ phần.

#### 02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

#### 03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn giao thông đường sắt;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình giao thông đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông đường sắt, trang thiết bị dụng cụ lao động;
- Khai thác, sản xuất đá và kinh doanh các sản phẩm từ đá;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn, du lịch.

#### 04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 05. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 02 đơn vị thành viên là chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình – Xí nghiệp xây dựng công trình	Số 02, đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình – Trung tâm dịch vụ và văn hóa thể thao Đường sắt	Số 02, đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).





## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### 02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

#### 02. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### 03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### 04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

##### *Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

##### *Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 37 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07 năm

#### 05. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 10 năm kể từ khi Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần.

#### 06. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 07. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

#### 08. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

#### 09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu****Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và giá vốn của sản phẩm xây lắp bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**01. Tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	185.481.212	208.656.534
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	379.412.065	7.351.831.888
<b>Cộng</b>	<b>564.893.277</b>	<b>7.560.488.422</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**02. Phải thu của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>51.472.185.628</b>	<b>34.416.870.250</b>
- Công ty Cổ phần Công trình Thành Phát	1.166.076.000	1.471.564.000
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	43.500.847.628	27.184.034.690
- Công ty Cổ phần công trình 875	3.749.330.000	3.749.330.000
- Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Đà Nẵng	1.674.671.000	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	1.381.261.000	2.011.941.560
<b>Cộng</b>	<b>51.472.185.628</b>	<b>34.416.870.250</b>

**b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>45.175.518.628</b>	<b>27.806.155.690</b>
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	43.500.847.628	27.184.034.690
- Công ty Cổ phần đường sắt Thanh Hóa	-	112.931.000
- Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Đà Nẵng	1.674.671.000	509.190.000
<b>Cộng</b>	<b>45.175.518.628</b>	<b>27.806.155.690</b>

**03. Các khoản phải thu khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.135.917.134</b>	-	<b>1.583.163.052</b>	-
- Tạm ứng	-	-	4.500.000	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	105.953.105	-	202.536.308	-
- Phải thu khác	2.029.964.029	-	1.376.126.744	-
+ Phải thu CBCNV - BHXH	364.683.136	-	362.626.394	-
+ Phải thu CBCNV - BHYT	79.199.600	-	79.696.900	-
+ Phải thu CBCNV - BHYT	52.786.300	-	52.977.100	-
+ Phải thu CBCNV (Thuế TNCN)	-	-	131.743.482	-
+ Các khoản phải thu khác	1.533.294.993	-	749.082.868	-
<b>Cộng</b>	<b>2.135.917.134</b>	-	<b>1.583.163.052</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phố Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

04. Nợ xấu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Công ty Cổ phần thống nhất 508	1.140.916.000	-	1.140.916.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.140.916.000</b>	<b>-</b>	<b>1.140.916.000</b>	<b>-</b>

05. Hàng tồn kho	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	3.519.821.246	-	4.231.540.606	-
- Công cụ, dụng cụ	26.881.896	-	22.291.156	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.472.719.980	-	1.400.688.839	-
- Thành phẩm	-	-	19.382.702	-
- Hàng hóa	5.326.812	-	4.982.151	-
<b>Cộng</b>	<b>5.024.749.934</b>	<b>-</b>	<b>5.678.885.454</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phố Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Đơn vị tính: VND				
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>11.805.326.557</b>	<b>5.361.130.787</b>	<b>9.172.572.109</b>	<b>35.886.364</b>	<b>26.374.915.817</b>
- Mua trong năm	-	2.022.895.455	908.145.455	-	2.931.040.910
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>11.805.326.557</b>	<b>7.384.026.242</b>	<b>10.080.717.564</b>	<b>35.886.364</b>	<b>29.305.956.727</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>7.293.016.753</b>	<b>2.617.587.860</b>	<b>5.497.132.702</b>	<b>32.912.923</b>	<b>15.440.650.238</b>
- Khấu hao trong năm	544.850.212	671.768.692	634.293.452	1.486.720	1.852.399.076
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.837.866.965</b>	<b>3.289.356.552</b>	<b>6.131.426.154</b>	<b>34.399.643</b>	<b>17.293.049.314</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>4.512.309.804</b>	<b>2.743.542.927</b>	<b>3.675.439.407</b>	<b>2.973.441</b>	<b>10.934.265.579</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	<b>3.967.459.592</b>	<b>4.094.669.690</b>	<b>3.949.291.410</b>	<b>1.486.721</b>	<b>12.012.907.413</b>

Nguyên giá của tài sản cố định đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng là 1.451.933.797 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**07. Chi phí trả trước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Dài hạn</b>	<b>2.698.005.134</b>	<b>3.082.078.827</b>
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	666.187.254	684.829.045
- Giá trị lợi thế kinh doanh	2.031.067.880	2.369.579.194
- Các khoản khác	750.000	27.670.588
<b>Cộng</b>	<b>2.698.005.134</b>	<b>3.082.078.827</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**08. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
- <i>Vay ngắn hạn</i>	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-

**09. Phải trả người bán**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>14.472.999.708</b>	<b>14.472.999.708</b>	<b>11.076.673.792</b>	<b>11.076.673.792</b>
- Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai	1.269.666.340	1.269.666.340	106.000.000	106.000.000
- Công ty Chế biến Lâm sản Nghệ An	1.244.273.374	1.244.273.374	1.985.190.940	1.985.190.940
- Công ty Cổ phần Cơ khí Đường sắt Đà Nẵng	3.312.056.795	3.312.056.795	1.645.799.810	1.645.799.810
- Công ty Cổ phần Công trình 6	787.510.120	787.510.120	2.266.200.000	2.266.200.000
- Công ty TNHH MTV Vật tư đường sắt Đà Nẵng	2.735.322.420	2.735.322.420	1.104.085.600	1.104.085.600
- Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại MEC Việt Nam	1.335.111.000	1.335.111.000	1.247.484.000	1.247.484.000
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	3.789.059.659	3.789.059.659	2.721.913.442	2.721.913.442
<b>Cộng</b>	<b>14.472.999.708</b>	<b>14.472.999.708</b>	<b>11.076.673.792</b>	<b>11.076.673.792</b>

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	703.193.000	703.193.000	1.104.085.600	1.104.085.600
	703.193.000	703.193.000	1.104.085.600	1.104.085.600
<b>Cộng</b>	<b>703.193.000</b>	<b>703.193.000</b>	<b>1.104.085.600</b>	<b>1.104.085.600</b>

## b. Phải trả người bán là các bên liên quan

Phải trả người bán ngắn hạn  
- Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng  
**Cộng**

## 10. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	285.823.600	285.823.600	-	-
	285.823.600	285.823.600	-	-
<b>Cộng</b>	<b>285.823.600</b>	<b>285.823.600</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Người mua trả tiền trước ngắn hạn

- Công ty TNHH Hoàng Yên  
**Cộng**

## 11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	2.380.658.367	10.159.597.711	9.677.594.786	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	253.367.785	928.763.371	553.367.785	-	628.763.371
- Thuế thu nhập cá nhân	-	291.794.023	381.461.466	331.292.376	-	341.963.113
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	405.821.190	405.821.190	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	97.173.708	97.173.708	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>2.925.820.175</b>	<b>11.978.817.446</b>	<b>11.071.249.845</b>	<b>-</b>	<b>3.833.387.776</b>

- Thuế giá trị gia tăng đầu ra  
- Thuế thu nhập doanh nghiệp  
- Thuế thu nhập cá nhân  
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất  
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác  
- Phí, lệ phí và các khoản khác  
**Cộng**

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

## 12. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	105.000.000	105.000.000
- Các khoản trích trước khác	105.000.000	105.000.000
<b>Cộng</b>	<b>105.000.000</b>	<b>105.000.000</b>

## 13. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	2.129.376.334	3.325.151.027
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.129.376.334	3.325.151.027
+ Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	1.225.456.998	2.300.741.221
+ Tổng Công ty đường sắt Việt Nam - Tiền ray	-	732.435.802
+ Các đối tượng khác	903.919.336	291.974.004
b. Dài hạn	-	125.258.250
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	125.258.250
+ Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	-	125.258.250
<b>Cộng</b>	<b>2.129.376.334</b>	<b>3.450.409.277</b>

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>14. Vốn chủ sở hữu</b>				
<i>a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu</i>				
Số dư đầu năm trước	18.060.000.000	882.718.000	2.906.908.030	21.849.626.030
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	3.104.278.675	3.104.278.675
- Tăng khác	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận trong năm trước	-	436.036.000	(2.906.908.030)	(2.470.872.030)
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	18.060.000.000	1.318.754.000	3.104.278.675	22.483.032.675
Số dư đầu năm nay	18.060.000.000	1.318.754.000	3.104.278.675	22.483.032.675
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	3.670.764.870	3.670.764.870
- Tăng khác	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận trong năm nay (*)	-	465.000.000	(3.104.278.675)	(2.639.278.675)
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	18.060.000.000	1.783.754.000	3.670.764.870	23.514.518.870

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

(\*): Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/2019/NQ-DHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Công ty Cổ phần đường sắt Nghĩa Bình. Cụ thể như sau:

	Số tiền
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển	465.000.000
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	960.478.675
- Trích quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành	234.000.000
- Trích cổ tức chi trả	1.444.800.000
<b>Tổng phân phối lợi nhuận</b>	<b>3.104.278.675</b>

*b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu*

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	9.210.600.000	51%	9.210.600.000	51%
- Các cổ đông khác	8.849.400.000	49%	8.849.400.000	49%
<b>Cộng</b>	<b>18.060.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>18.060.000.000</b>	<b>100%</b>

*c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	18.060.000.000	18.060.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	18.060.000.000	18.060.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.444.800.000	1.444.800.000

*d. Cổ phiếu*

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.806.000	1.806.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.806.000	1.806.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.806.000	1.806.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.806.000	1.806.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.806.000	1.806.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phố Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**15. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán***Vật tư nhận giữ hộ (vật tư cũ thu hồi) Tổng Công ty đường sắt Việt Nam*

Tên vật tư, quy cách	Đơn vị tính	Số cuối năm	
		Số lượng	Trọng lượng quy đổi (kg)
Ray P43 L=12,5m PL	thanh	682	289.850
Ray P30 L=12m PL	thanh	26	7.384
Ray P43 PL	mét	75	2.550
Ray P30 PL	mét	18	450
Lập lách P43 PL	bộ	684	9.576
Lập lách ĐB P43-50 PL	bộ	3	42
Lập lách P30 PL	bộ	28	280
Xương ghi PL	bộ	3	12.300
Tâm ghi PL	Cái	9	4.860
Tà vệt sắt PL	Thanh	11.036	220.720
Tà vệt bê tông các loại PL	Thanh	9.316	139.740
Bu lông các loại PL	Cái	69.057	20.717
Cóc các loại PL	Cái	76.912	23.074
Đỉnh Tiaraphong PL	Cái	6.838	2.051
Đỉnh Cramphong PL	Cái	4.544	1.136
Cần sắt các loại PL	Cái	50.613	20.245
Đệm sắt PL	tấm	983	2.949
Biển báo PL	biển	20	20
Cọc tiêu PL	cọc	120	240
Gối kê PL	gối	16	80
Tấm đan PL	tấm	72	1.440
Cần sắt PL	Cái	16	6
Đỉnh xoắn PL	Cái	59	18

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	143.996.219.215	139.504.686.185
Doanh thu hợp đồng xây dựng	6.099.609.999	3.526.244.544
<b>Cộng</b>	<b>150.095.829.214</b>	<b>143.030.930.729</b>

**Doanh thu đối với các bên liên quan**

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	144.536.978.779	139.177.198.685
+ Hoạt động quản lý bảo dưỡng thường xuyên	141.757.924.416	136.466.483.231
+ Công trình sửa chữa định kỳ <500 triệu đồng	2.659.773.636	2.182.672.727
+ Cảnh giới đường ngang	29.808.000	-
+ Cứu chữa, khắc phục hậu quả thiên tai	89.472.727	528.042.727
Công ty Cổ phần đường sắt Thanh Hóa	-	102.664.545
+ Cứu chữa, khắc phục hậu quả thiên tai	-	102.664.545
Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Đà Nẵng	2.851.834.545	462.900.000
+ Nâng cấp cải tạo sửa chữa đường ngang	2.851.834.545	462.900.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phố Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**02. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	125.237.499.242	122.724.667.008
Giá vốn của hoạt động xây dựng	6.091.754.754	3.437.141.649
<b>Cộng</b>	<b>131.329.253.996</b>	<b>126.161.808.657</b>

**03. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	1.204.180.939	1.084.565.294
<b>Cộng</b>	<b>1.204.180.939</b>	<b>1.084.565.294</b>

**04. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	11.530.137	9.843.507
<b>Cộng</b>	<b>11.530.137</b>	<b>9.843.507</b>

**05. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản thu nhập khác	4.000.000	23.711.000
<b>Cộng</b>	<b>4.000.000</b>	<b>23.711.000</b>

**06. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí bồi thường chậm tàu	27.870.000	-
- Chi phí cắt giảm công trình	8.844.902	283.682.462
- Các khoản chi phí khác	7.573.708	25.510.000
<b>Cộng</b>	<b>44.288.610</b>	<b>309.192.462</b>

**07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
<b>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</b>	<b>14.983.131.377</b>	<b>13.214.348.096</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	8.179.179.976	7.911.498.766
- Thuế, phí và lệ phí	306.190.004	337.318.218
- Chi phí dự phòng	-	570.368.000
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.497.761.397	4.395.163.112
<b>b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</b>	<b>336.277.792</b>	<b>486.367.841</b>
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	336.277.792	486.367.841
<b>Cộng</b>	<b>15.319.409.169</b>	<b>13.700.715.937</b>

**08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	928.763.371	853.367.785
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>928.763.371</b>	<b>853.367.785</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**(\*) Chi tiết tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.599.528.241	3.957.646.460
- Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	44.288.610	309.192.462
+ Chi phí không được trừ	44.288.610	309.192.462
- Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
- Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	4.643.816.851	4.266.838.922
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>928.763.371</b>	<b>853.367.785</b>

**09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	3.670.764.870	3.104.278.675
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.670.764.870	3.104.278.675
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	1.194.478.675
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.806.000	1.806.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.033</b>	<b>1.057</b>

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

**10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	3.670.764.870	3.104.278.675
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.670.764.870	3.104.278.675
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	1.194.478.675
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.806.000	1.806.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>2.033</b>	<b>1.057</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.785.626.900	38.451.957.179
- Chi phí nhân công	86.498.958.389	77.715.813.184
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.852.399.076	1.657.010.317
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.934.133.744	7.474.805.688
- Chi phí khác bằng tiền	15.630.193.495	13.632.265.957
- Chi phí dự phòng	-	570.368.000
<b>Cộng</b>	<b>146.701.311.604</b>	<b>139.502.220.325</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có thông tin.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2019 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**02. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thưởng, phụ cấp	2.331.300.450	2.155.089.200
<b>Cộng</b>	<b>2.331.300.450</b>	<b>2.155.089.200</b>

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Trung tâm Y tế Đường sắt	Đơn vị thành viên của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Đà Nẵng	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Vinh	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình đường sắt	Công ty mẹ nắm giữ 48,04% vốn điều lệ



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Ngoài các nghiệp vụ phát sinh trong năm đã thuyết minh tại mục VI.01, các nghiệp vụ khác phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng Công ty đường sắt Việt Nam</b>		
- Trả cổ tức	736.848.000	736.848.000
- Chi phí thuê nhà cung đường	171.358.480	173.589.345
- Thuê máy móc	1.908.875.401	1.908.875.401
- Nhận bàn giao ray	-	8.893.863.310
- Bồi thường vật chất	27.870.000	10.030.000
<b>Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn</b>		
- Chi phí vận chuyển	2.465.061.000	-
<b>Công ty Cổ phần Quản lý Đường sắt Quảng Nam – Đà Nẵng</b>		
- Thuê máy chèn đường	639.266.364	-
<b>Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Đà Nẵng</b>		
- Chi phí thi công	284.477.273	-
<b>Công ty Cổ phần In Đường sắt</b>		
- In tài liệu	17.784.000	-
<b>Trung tâm Y tế Đường sắt</b>		
- Khám sức khỏe định kỳ	114.800.000	114.400.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.02 và V.09, các công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tổng Công ty đường sắt Việt Nam</b>		
+ Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.244.940.198	3.033.177.023
+ Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác	-	125.258.250
<b>Công nợ phải trả</b>	<b>1.244.940.198</b>	<b>3.158.435.273</b>

**03. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

**Lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính trong năm như sau:

- Xây dựng: Xây dựng các công trình đường sắt, đường bộ...
- Dịch vụ: Dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, đảm bảo an toàn đường sắt, dịch vụ nhà hàng, cho thuê sân thể thao, bán vé tàu hỏa, máy bay, ...

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	Xây dựng	Dịch vụ	Cộng
<b>Năm nay</b>			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	6.099.609.999	143.996.219.215	150.095.829.214
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	6.043.287.686	139.412.724.677	145.456.012.363
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	56.322.313	4.583.494.538	4.639.816.851
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	-	2.931.040.910	2.931.040.910
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	47.978.581	1.804.420.495	1.852.399.076
<b>Số dư cuối năm nay</b>			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.934.186.936	69.268.662.307	72.202.849.243
- Tài sản không phân bổ	2.934.186.936	69.268.662.307	564.893.277
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.995.520.403</b>	<b>47.109.141.979</b>	<b>72.767.742.520</b>
- Nợ phải trả bộ phận	1.995.520.403	47.109.141.979	49.104.662.382
- Nợ phải trả không phân bổ	1.995.520.403	47.109.141.979	148.561.268
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>1.995.520.403</b>	<b>47.109.141.979</b>	<b>49.253.223.650</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**  
Số 02 đường Phố Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Năm trước	Xây dựng	Dịch vụ	Đơn vị tính: VND
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	3.526.244.544	139.504.686.185	143.030.930.729
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	3.410.645.759	135.377.157.048	138.787.802.807
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	<b>115.598.785</b>	<b>4.127.529.137</b>	<b>4.243.127.922</b>
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	-	1.620.109.091	1.620.109.091
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	32.044.198	1.624.966.119	1.657.010.317
<b>Số dư cuối năm trước</b>			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.344.967.610	53.209.379.552	54.554.347.162
- Tài sản không phân bổ	<b>1.344.967.610</b>	<b>53.209.379.552</b>	<b>62.114.835.584</b>
<b>Tổng tài sản</b>	<b>970.245.686</b>	<b>38.384.694.630</b>	<b>39.354.940.316</b>
- Nợ phải trả bộ phận			276.862.593
- Nợ phải trả không phân bổ	<b>970.245.686</b>	<b>38.384.694.630</b>	<b>39.631.802.909</b>

**Khu vực địa lý:**

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**  
Số 02 đường Phố Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

Tài sản tài chính	Đơn vị tính: VND			
	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	564.893.277	-	-	(*)
Phải thu khách hàng và phải thu khác	53.521.632.857	(1.140.916.000)	(1.140.916.000)	(*)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	(*)
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	(*)
<b>Cộng</b>	<b>54.086.526.134</b>	<b>(1.140.916.000)</b>	<b>43.353.485.416</b>	<b>(1.140.916.000)</b>
	<b>Giá trị sổ sách</b>		<b>Giá trị hợp lý</b>	
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	14.472.999.708	11.076.673.792	(*)	(*)
Vay và nợ	-	-	(*)	(*)
Chi phí phải trả	105.000.000	105.000.000	(*)	(*)
Các khoản phải trả khác	2.148.859.534	3.450.409.277	(*)	(*)
<b>Cộng</b>	<b>16.726.859.242</b>	<b>14.632.083.069</b>	<b>16.726.859.242</b>	<b>14.632.083.069</b>

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**05. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

**Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

**Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**06. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả cho người bán	14.472.999.708	-	-	14.472.999.708
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	105.000.000	-	-	105.000.000
Các khoản phải trả khác	2.148.859.534	-	-	2.148.859.534
<b>Cộng</b>	<b>16.726.859.242</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>16.726.859.242</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	11.076.673.792	-	-	11.076.673.792
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	105.000.000	-	-	105.000.000
Các khoản phải trả khác	3.325.151.027	125.258.250	-	3.450.409.277
<b>Cộng</b>	<b>14.506.824.819</b>	<b>125.258.250</b>	<b>-</b>	<b>14.632.083.069</b>

**07. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 02 loại: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**08. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần đường sắt Nghĩa Bình đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

**09. Thông tin về hoạt động liên tục**

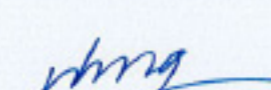
Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Phạm Thế Đạt

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Nhung

Bình Định, ngày 21 tháng 02 năm 2020

Giám đốc  


Mai Văn Tân

T. T. H. H. B. B.



NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



GIÁM ĐỐC

**GIÁM ĐỐC**  
Mai Văn Tân

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH

**CHỦ TỊCH**  
Nguyễn Thái Linh